



SONG HÀNH THỊNH VƯỢNG

Vững bước vươn tầm

Báo cáo thường niên 2023

MỤC LỤC

04

Thông tin chung

06	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc
08	Thông tin khái quát
10	Quá trình hình thành và phát triển
20	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
22	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
22	Định hướng phát triển
23	Các rủi ro và Công tác Quản trị rủi ro

28

Tình hình hoạt động trong năm 2023

30	Tổng quan về kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023
33	Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023
33	Tổ chức và nhân sự
40	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
40	Tình hình tài chính
43	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
43	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

48

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

50	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023
50	· Khách hàng Tổ chức
51	· Khách hàng doanh nghiệp
53	· Khách hàng cá nhân
57	Tình hình tài chính năm 2023
57	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
58	Kế hoạch phát triển trong tương lai
58	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

60

Quản trị công ty

62	Hội đồng thành viên
62	Ban kiểm soát
63	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

64

Mạng lưới hoạt động

66

Báo cáo tài chính kiểm toán

01

Thông tin chung

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc	06
Thông tin khái quát	08
Quá trình hình thành và phát triển	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	20
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	22
Định hướng phát triển	22
Các rủi ro và Công tác Quản trị rủi ro	23

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều diễn biến tiêu cực và khó khăn. Hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm, lạm phát dai dẳng cùng chính sách tiền tệ thắt chặt, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina phức tạp hơn dẫn đến rủi ro tài chính, tiền tệ, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực ngày càng gia tăng.

Thị trường chứng khoán Việt Nam, trước những thách thức của nền kinh tế thế giới, tiếp tục đánh dấu một năm nhiều thăng trầm. Sau những nốt

thăng trong 9 tháng đầu năm với những thời điểm VN-Index đạt hơn 1.250 điểm, thị trường chứng khoán Quý IV/2023 bước vào giai đoạn "trầm" với những điều chỉnh giảm liên tiếp khiến cho VN-Index mất hơn 200 điểm chỉ trong vòng gần 2 tháng, khép lại năm 2023 tại mốc 1.129,93 điểm.

Mặc dù phải đối mặt với những diễn biến phức tạp và khó lường của thị trường chứng khoán, dưới sự quản trị, điều hành của Ban lãnh đạo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) cũng như sự đoàn kết, nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên, VCBS đã đạt được những kết quả kinh doanh tích cực so với các công ty trên thị trường. Trong năm 2023, tổng doanh thu của công ty đạt VCBS đạt 1.389 tỷ đồng với tổng lợi nhuận trước thuế đạt 607,57 tỷ đồng. Về thị phần kinh doanh, Quý I và Quý III/2023, VCBS lọt Top 10 công ty có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch HOSE, HNX và UPCOM. Đối với hoạt động phát triển khách hàng, với những nỗ lực không ngừng trong việc cải thiện trải nghiệm khách hàng, bổ sung tính năng mới trên các kênh giao dịch số cùng với lợi thế từ tập khách hàng Vietcombank, VCBS đã ghi nhận những kết quả vô cùng tích cực trong năm 2023, với số lượng khách hàng mới tăng trưởng gần 180% so với năm 2022. Không chỉ vậy, trong năm 2023, VCBS tiếp tục khẳng định năng lực và vị thế của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam với những thành tích trong và ngoài nước như:

- Được Tạp chí Finance Asia vinh danh tại hạng mục giải thưởng Best of the frontier markets (Giao dịch tốt nhất của các thị trường cận biên) thuộc hạng mục Giải thưởng giao dịch Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (Regional Deal Awards I Asia Pacific Awards) trong thương vụ hỗ trợ phát hành trái phiếu xanh;
- Là 1 trong 5 thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh tại Hội nghị Thành viên năm 2023 tổ chức bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC);
- Là 1 trong 10 Công ty Chứng khoán đầu tiên được Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt

Nam (VSD) chấp thuận là thành viên giao dịch Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL), tích cực tham gia vào quá trình triển khai hệ thống giao dịch TPDNRL. Sau 5 tháng triển khai, số lượng tài khoản đăng ký giao dịch TPDNRL đã đạt 4.857 tài khoản, khối lượng giao dịch đạt gần 10 triệu trái phiếu, giá trị giao dịch đạt hơn 14 nghìn tỷ, chiếm 7% thị phần giá trị giao dịch TPDNRL toàn thị trường;

- TOP 10 Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất năm 2022 tại Hội nghị thành viên năm 2023 tổ chức bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX).

Bước sang năm 2024, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam được dự báo lạc quan về phục hồi và tăng trưởng, bên cạnh phát huy những lợi thế sẵn có của Công ty, VCBS sẽ tiếp tục bám sát định hướng "Lấy khách hàng làm trọng tâm", ưu tiên hàng đầu công tác chuyển đổi số để khai thác tối ưu và phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu giao dịch của khách hàng trên các kênh số, cải thiện trải nghiệm của khách hàng và tăng năng lực phục vụ khách hàng trong hệ sinh thái Vietcombank. Ngoài ra, trong những năm tới, VCBS sẽ đẩy mạnh việc đa dạng hóa nguồn vốn cũng như gia tăng quy mô vốn của Công ty. Nâng cao năng lực vốn sẽ giúp VCBS đến gần hơn với mục tiêu trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, đem đến cho khách hàng những gói sản phẩm dịch vụ ngày càng hoàn thiện với các chính sách ưu đãi hấp dẫn.

VCBS luôn cam kết là đối tác đáng tin cậy, an toàn đối với khách hàng, cộng đồng nhà đầu tư, các doanh nghiệp, tổ chức định chế tài chính trong nước và quốc tế và sẽ không ngừng nỗ lực đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

“
VCBS luôn cam kết là đối tác đáng tin cậy, an toàn đối với khách hàng, cộng đồng nhà đầu tư, các doanh nghiệp, tổ chức định chế tài chính trong nước và quốc tế và sẽ không ngừng nỗ lực đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.



Tổng Giám đốc
LE MANH HUNG

Chủ tịch HĐQT
NGUYEN THI KIM OANH

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty:	Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCBS).
Tên Tiếng Anh:	Vietcombank Securities Limited Company
Ngày thành lập:	07/01/2002 theo Quyết định số 27/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
Giấy phép Thành lập và Hoạt động:	Số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 04 năm 2002 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
Giấy phép điều chỉnh mới nhất:	Số 03/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 01 năm 2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

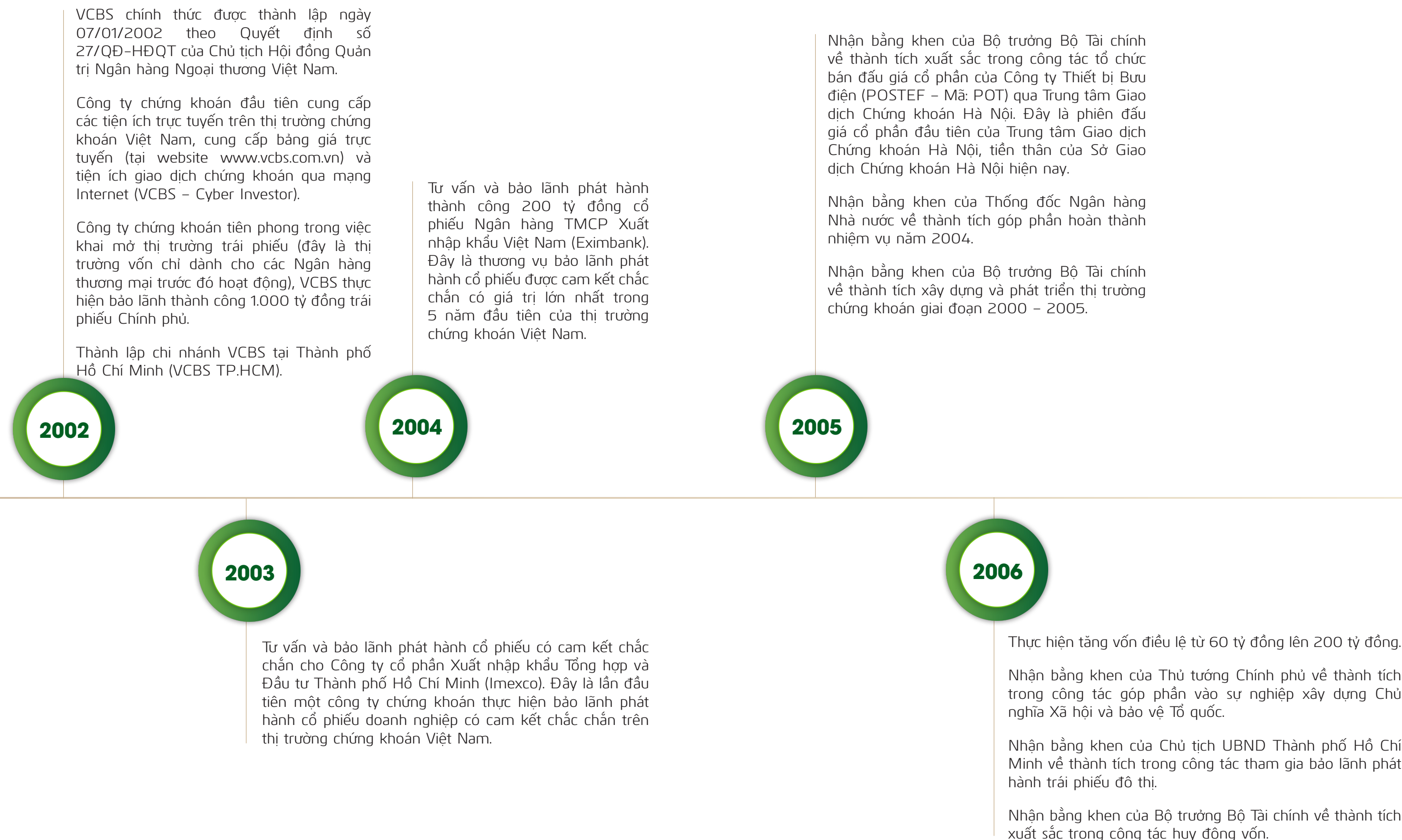
Vốn điều lệ:
2.500.000.000.000 đồng
(Bằng chữ: Hai nghìn năm trăm tỷ đồng).

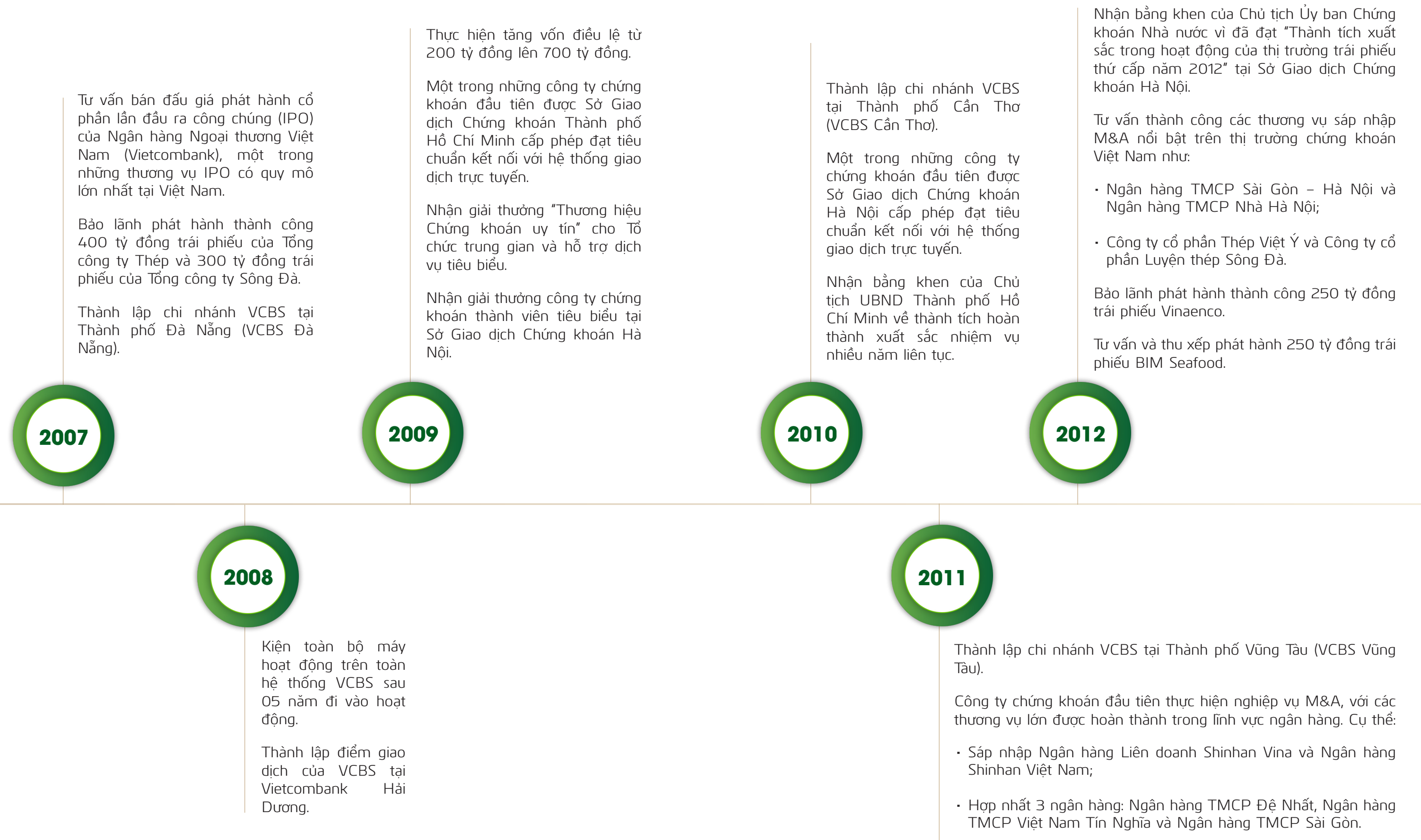
Vốn chủ sở hữu:
4.040.588.648.757 đồng
(Bằng chữ: Bốn nghìn không trăm bốn mươi tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi bảy đồng).

Hội sở chính:	Tầng 5-6-7-8 Tòa nhà Thủ Đô, Số 72 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tel:	(84-24)-3936 6990
Fax:	(84-24)-3936 0262
Website:	www.vcbs.com.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





Một trong những thành viên đứng đầu về thị phần đầu thầu sơ cấp và môi giới giao dịch thứ cấp trên thị trường trong nhiều năm liên tiếp.

Một trong 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 1.000 tỷ trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CIH); đồng tư vấn phát hành thành công 5.000 tỷ đồng Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin).

Tư vấn thành công các thương vụ sáp nhập (M&A): Công ty cổ phần Sông Đà 9 và Công ty cổ phần Sông Đà 91; Công ty cổ phần Someco Sông Đà và Công ty cổ phần Someco Hòa Bình.

2013

Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 9.000 tỷ đồng trái phiếu của Masan Consumer Holdings (MCH) – Công ty con thuộc sở hữu toàn phần của Công ty cổ phần Tập đoàn Masan.

Tư vấn phát hành thành công 2.300 tỷ đồng trái phiếu của Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang – Công ty thuộc Tập đoàn Vingroup.

Chính thức triển khai cung cấp hệ thống giao dịch trực tuyến VCBS Trading hoàn toàn mới trên các phân hệ Home Trading; Web Trading; Mobile Trading và App Trading thành công.

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng VCBS kỷ niệm chương “Một trong năm công ty chứng khoán tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015”.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu có nhiều đóng góp tích cực cho thị trường chứng khoán giai đoạn 2005 – 2015.

2015

Phát hành thành công 300 tỷ trái phiếu VCBS.

Thành lập Phòng giao dịch Giảng Võ và Văn phòng đại diện Hải Phòng.

2014

Một trong bốn công ty chứng khoán có thị phần môi giới Trái phiếu và Tín phiếu chiếm trên 10% thị phần giao dịch của toàn thị trường.

Công ty chứng khoán duy nhất trên thị trường vinh dự nhận giấy khen do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trao tặng “Thành tích tiêu biểu đối với sự phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2009 – 2014”.

Phát hành thành công 200 tỷ trái phiếu VCBS.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu có nhiều đóng góp tích cực cho thị trường chứng khoán giai đoạn 2009 – 2014.

Một trong 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tư vấn và đại lý phát hành thành công 8.000 tỷ trái phiếu Vietcombank.

Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính vì “Đã có thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội”.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 – 2016.

Thành lập Văn phòng đại diện Bình Dương.

2016

Đại lý đấu giá thành công thương vụ thoái vốn Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG) với tổng giá trị 7.366 tỷ đồng.

Tư vấn nhà đầu tư nước ngoài thực hiện M&A thành công trong các thương vụ mua cổ phần tại: Tập đoàn Dệt may Việt Nam (10%), Công ty cổ phần Thép Việt Ý (45%), Công ty cổ phần Tập đoàn PAN (8.97%).

Là thành viên thứ chín trên thị trường chính thức cung cấp sản phẩm chứng khoán phái sinh.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2018 và thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2018.

2018

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu năm 2017 – 2018.

2017

Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.

Đại lý đấu giá duy nhất được nhà đầu tư lựa chọn trong thương vụ thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SAB) với tổng giá trị giao dịch thông qua VCBS là khoảng 110.000 tỷ đồng.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán tiền, chứng khoán năm 2017.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu năm 2017.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu thị trường trái phiếu Chính phủ năm 2017.

Đứng đầu thị phần môi giới giao dịch Trái phiếu Chính phủ.

Đứng thứ hai thị phần môi giới Trái phiếu Doanh nghiệp.

Đứng thứ hai thị phần đấu thầu giao dịch Trái phiếu Chính phủ.

Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công hơn 6.000 tỷ đồng trái phiếu cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực hoạt động khác nhau, hỗ trợ nguồn vốn trung dài hạn cho doanh nghiệp bên cạnh nguồn vốn tín dụng của ngân hàng.

Tư vấn và đại lý phát hành thành công 2.550 tỷ đồng trái phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi tổ chức danh tiếng CGIF (Credit Guarantee and Investment Facility – Quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á được S&P đánh giá tín nhiệm hạng AA). Đây là thương vụ có cấu trúc trái phiếu phức tạp và đã thu hút nhiều nhà đầu tư tổ chức lớn, có uy tín trên thị trường vốn.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2019.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu giai đoạn 2018 – 2019.

2019

2020

Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải (THACO). Đây là thương vụ phát hành trái phiếu thứ hai trong vòng hai năm liên tiếp (2019 – 2020) mà VCBS tham gia với vai trò đơn vị tư vấn và đại lý phát hành cho THACO – doanh nghiệp số 1 trong lĩnh vực sản xuất lắp ráp ô tô tại Việt Nam.

Thực hiện đồng bảo lãnh phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam – TKV, kỳ hạn 5 năm, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Vietcombank vinh danh VCBS là đơn vị tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán trong năm 2020.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là Top 3 công ty chứng khoán thành viên có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất năm 2020.

Kỷ niệm 20 năm thành lập VCBS.

VCBS huy động thành công 38 triệu USD từ các định chế tài chính nước ngoài theo cấu trúc hợp vốn (Syndicated).

Thực hiện tư vấn và đại lý phát hành thành công 4.000 tỷ đồng trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), với mục đích để tăng vốn cấp 2 nhằm bổ sung nguồn vốn hoạt động và đáp ứng nhu cầu cho vay trung dài hạn của Vietcombank phục vụ phát triển kinh tế – xã hội; đồng thời, việc phát hành trái phiếu nhằm nâng cao năng lực tài chính của Vietcombank, đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2021

Thực hiện tư vấn và đại lý phát hành thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu Công ty cổ phần Greenfeed Việt Nam. Trái phiếu có kỳ hạn 7 năm với lãi suất cố định và được Công ty Tài chính Quốc tế – International Finance Corporation (IFC), một thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới – The World Bank Group mua toàn bộ.

Bộ trưởng Bộ Tài chính tặng bằng khen cho VCBS đã có thành tích trong việc xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2018 – 2020.

Vietcombank vinh danh VCBS là đơn vị tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021.

2022

Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng.

Ra mắt tính năng Mở tài khoản chứng khoán trực tuyến ứng dụng công nghệ eKYC, giúp khách hàng thao tác dễ dàng, tiết kiệm thời gian cũng như hoàn toàn bảo mật.

Thực hiện tư vấn và đại lý phát hành thành công 1.123.468.046 cổ phiếu của Tổng công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần (EVNGENCO3) trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán PGV.

Thực hiện tư vấn phát hành thành công Trái phiếu xanh trị giá hơn 1.725 tỷ đồng của EVNFinance. Đây là trái phiếu doanh nghiệp đầu tiên được xác định là trái phiếu xanh theo tiêu chuẩn quốc tế, dựa trên nguyên tắc Trái phiếu xanh do ICMA công bố. Đợt phát hành Trái phiếu xanh đã nhận được gói bảo lãnh thanh toán một phần dài hạn từ GuarantCo, với giá trị bảo lãnh 50 triệu USD (tương đương tối đa 1.150 tỷ đồng).

Ra mắt website mới thân thiện và hiện đại trong việc tra cứu thông tin và giao dịch chứng khoán.

Thực hiện tư vấn và phân phối thành công trái phiếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Masan theo hình thức phát hành riêng lẻ với tổng giá trị 1.700 tỷ đồng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất thả nổi. VCBS tham gia giao dịch phát hành trái phiếu với các vai trò Tổ chức tư vấn, Đại lý phát hành trái phiếu, Đại lý đăng ký và quản lý chuyển nhượng, Tổ chức lưu ký và Đại diện chủ sở hữu trái phiếu.

Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam vinh danh Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất năm 2022.

2023

Được Tạp chí FinanceAsia vinh danh tại hạng mục giải thưởng Best of the frontier markets (Giao dịch tốt nhất của các thị trường cận biên) thuộc hạng mục Giải thưởng giao dịch Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (Regional Deal Awards – Asia Pacific Awards) trong thương vụ hỗ trợ phát hành trái phiếu xanh của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance).

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2023.

Được IJGlobal Awards trao tặng Giải thưởng tiêu biểu nhất năm 2023 của thị trường Châu Á Thái Bình Dương (The IJGlobal Wrap of the Year APAC 2023 Award).

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) vinh danh VCBS là Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh năm 2023.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG

VCBS được cấp phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ chứng khoán và kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật. Các loại hình kinh doanh bao gồm:



MÔI GIỚI



TỰ DOANH



BẢO LÃNH
PHÁT HÀNH



TƯ VẤN
TÀI CHÍNH
DOANH NGHIỆP



QUẢN LÝ
DANH MỤC
ĐẦU TƯ



TƯ VẤN
ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN



CÁC DỊCH VỤ KHÁC THEO
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
KINH DOANH.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến 31/12/2023, VCBS hiện có 01 Trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội, 02 Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng, 09 Phòng giao dịch tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, 04 Văn phòng đại diện tại Cần Thơ, Đồng Nai, Hải Phòng và Vũng Tàu.

Cùng với đó, VCBS thiết lập và duy trì quan hệ với hệ thống Vietcombank để mở rộng mạng lưới chăm sóc khách hàng trên toàn quốc.



Trụ sở chính
tại Thành phố Hà Nội

02

Chi nhánh

tại Thành phố Hồ Chí Minh
và Thành phố Đà Nẵng

09

Phòng giao dịch

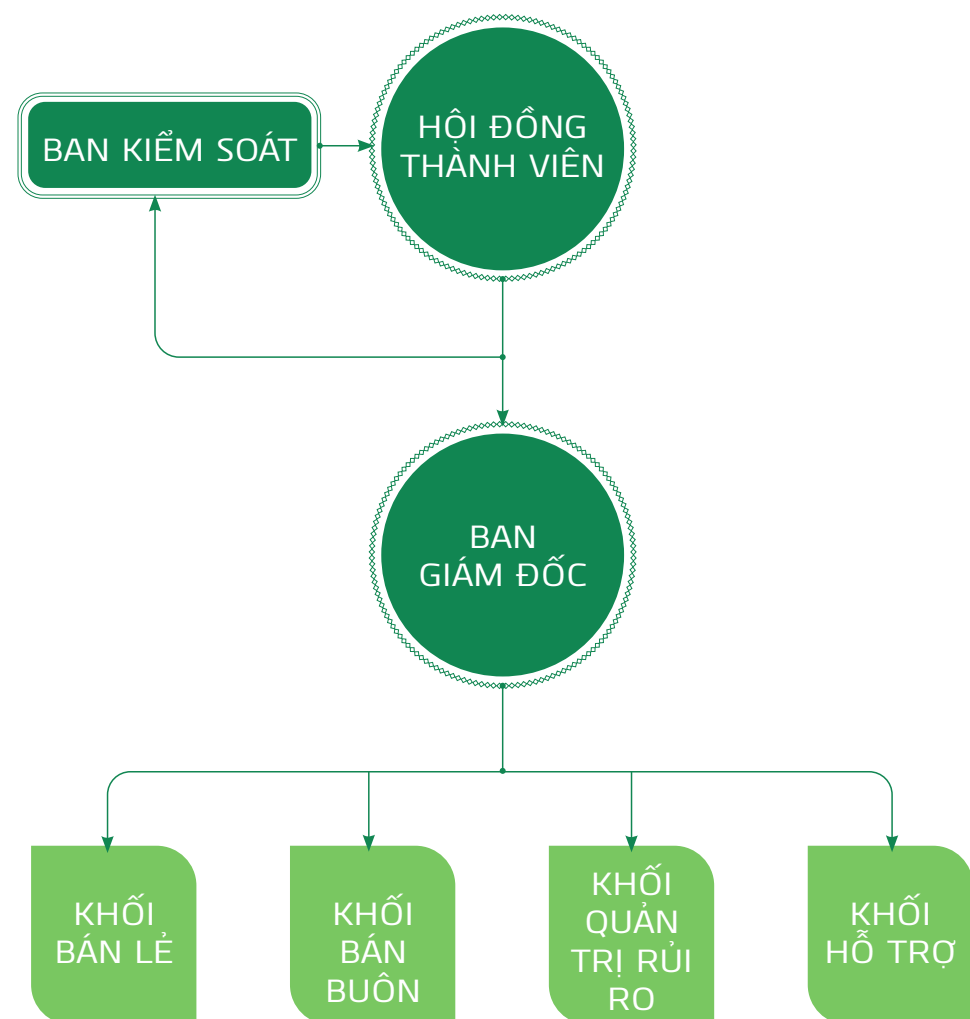
tại Thành phố Hà Nội và
Thành phố Hồ Chí Minh

04

Văn phòng đại diện

tại Cần Thơ, Đồng Nai,
Hải Phòng và Vũng Tàu.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Bám sát định hướng “Lấy khách hàng làm trọng tâm”, VCBS sẽ tiếp tục ưu tiên công tác chuyển đổi số, phát triển và gia tăng các tiện ích trên các kênh số để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu giao dịch của khách hàng, cải thiện trải nghiệm khách hàng. Không chỉ vậy, Công ty sẽ tận dụng và khai thác triệt để các lợi thế là thành viên của hệ sinh thái Vietcombank, đặc biệt là sự đa dạng về sản phẩm dịch vụ và mạng lưới khách hàng của Ngân hàng Mẹ, hướng đến mục tiêu cung cấp cho khách hàng “giải pháp toàn diện” khi khách hàng sử dụng sản phẩm trong hệ sinh thái Vietcombank.

Trong tương lai xa hơn, để nâng cao uy tín và vị thế của VCBS trên thị trường, đa dạng hóa nguồn vốn cũng như gia tăng quy mô vốn của Công ty cũng là một nhiệm vụ chiến lược để VCBS có thể nâng cao năng lực cũng như vị thế của Công ty, đáp ứng nhu cầu giao dịch, đầu tư ngày càng đa dạng của khách hàng và đưa VCBS đến gần hơn với mục tiêu trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu trên thị trường Chứng khoán Việt Nam.

CÁC RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

Với mục tiêu trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu trên thị trường chứng khoán đầy biến động, VCBS luôn đặt ưu tiên hàng đầu cho việc xây dựng một hệ thống Quản trị rủi ro không chỉ đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước mà còn hướng tới đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản lý rủi ro trong lĩnh vực tài chính.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, nhận thức được việc kiểm soát rủi ro trên thị trường tài chính là vấn đề hết sức khó khăn, phức tạp, Công ty đã ưu tiên bổ sung đội ngũ nhân sự giàu kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cho bộ phận Quản trị rủi ro. Tất cả các cán bộ chuyên trách đều được đào tạo

bài bản, có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong thị trường tài chính và được nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa đào tạo về quản lý rủi ro trong và ngoài nước.

Với mục đích đảm bảo tất cả các Đơn vị, Cán bộ của Công ty đều tham gia vào quá trình kiểm soát rủi ro của Công ty, VCBS đã lựa chọn áp dụng mô hình Quản trị rủi ro gồm 3 tầng bảo vệ độc lập trong hoạt động Quản trị rủi ro. Mỗi tầng bảo vệ bao gồm những Bộ phận khác nhau của Công ty với những nhiệm vụ khác nhau trong công tác quản lý rủi ro nhưng đều có thể hỗ trợ cho nhau cùng hướng tới một hệ thống Quản trị rủi ro thống nhất và hiệu quả.

01

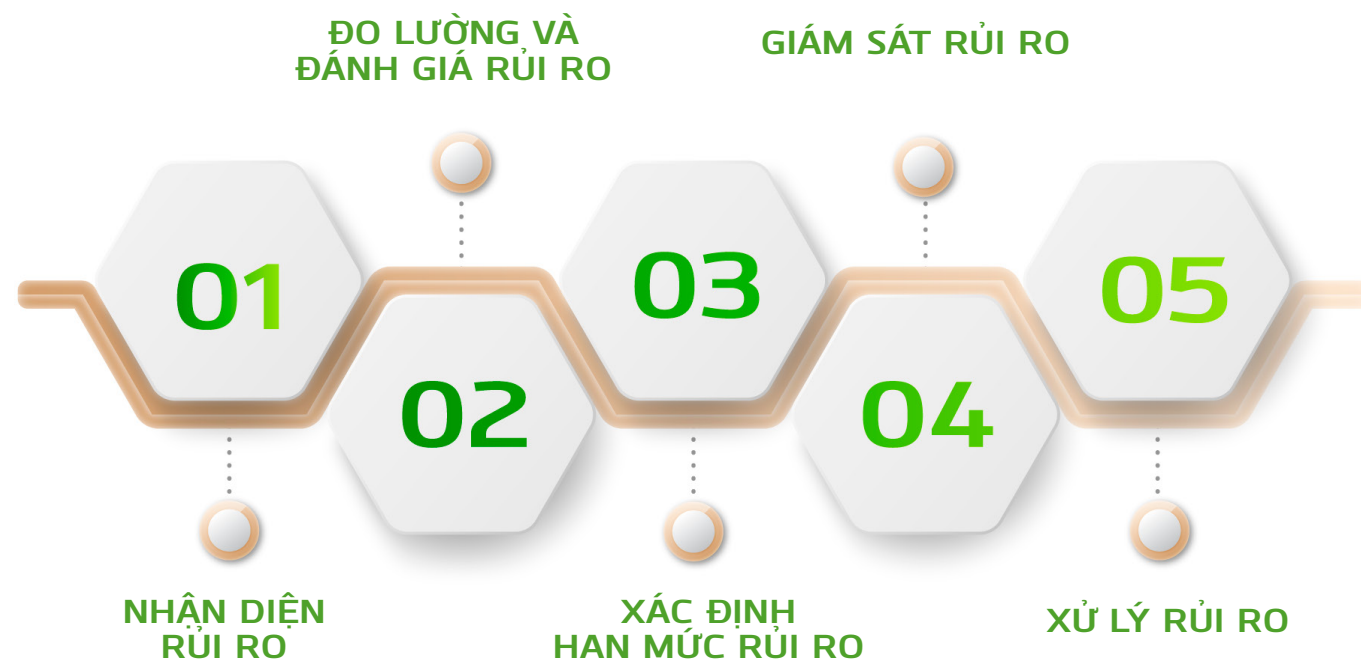
TẦNG BẢO VỆ THỨ NHẤT: bao gồm các đơn vị thuộc Khối kinh doanh và Khối hỗ trợ – nơi trực tiếp phát sinh các rủi ro, có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro trong các hoạt động tác nghiệp hàng ngày;

02

TẦNG BẢO VỆ THỨ HAI: bao gồm các bộ phận quản lý rủi ro tập trung và độc lập như Bộ phận Quản trị rủi ro, Bộ phận Tuân thủ có trách nhiệm phát triển, duy trì và giám sát hoạt động quản lý rủi ro của toàn Công ty;

03

TẦNG BẢO VỆ THỨ BA: bao gồm các bộ phận có chức năng kiểm toán nội bộ, giám sát độc lập. Đây là các đơn vị thực hiện các biện pháp giám sát nhằm đảm bảo tính tuân thủ đối với các chiến lược, chính sách và các quy định Quản trị rủi ro mà Công ty đã đặt ra.



Trên thực tế, công tác Quản trị rủi ro của VCBS đang được vận hành theo một chu trình hoàn chỉnh theo đúng lý thuyết tiêu chuẩn và quy định của Quyết định số 105/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cụ thể bao gồm 5 bước: (i) Nhận diện rủi ro; (ii) Đo lường và đánh giá rủi ro; (iii) Xác định hạn mức rủi ro; (iv) Giám sát rủi ro; (v) Xử lý rủi ro.

Hàng năm, hệ thống văn bản, chính sách điều chỉnh cho hoạt động Quản trị rủi ro của Công ty đều được rà soát, cập nhật nhằm đảm bảo phù hợp với thực tế triển khai và tuân thủ các thay đổi về quy định liên quan của Pháp luật, cơ quan quản lý và thực tế vận hành của thị trường. Cụ thể: ngoài chính sách rủi ro dài hạn nêu rõ mục tiêu tổng thể và nhiệm vụ trọng tâm, định hướng chiến lược, điều kiện thực tiễn và văn hóa nội bộ của công tác quản trị rủi ro, Công ty cũng thực hiện rà soát và ban hành Chính sách rủi ro hàng năm định hướng cho hoạt động quản lý rủi ro của Công ty trong năm tài chính trong đó quy định chi tiết về hạn mức rủi ro và khẩu vị rủi ro cụ thể cho

từng lĩnh vực hoạt động của Công ty. Ngoài ra, các quy trình quản lý các rủi ro trọng yếu cũng được Công ty thực hiện cập nhật thường xuyên nhằm phù hợp với thực tế tác nghiệp.

VCBS cũng chú trọng vào việc nâng cao, cải thiện hành vi và văn hóa Quản trị rủi ro trong nội bộ Công ty. Thông qua các buổi đào tạo nội bộ, các kiến thức cơ bản về quản lý rủi ro đã được phổ biến đến từng cán bộ, từ đó dẫn tới những thay đổi tích cực trong quan điểm và hành vi của nhân viên trong công tác quản lý rủi ro.

Bên cạnh đó, việc thiết lập cơ sở hạ tầng hiệu quả cho việc thu thập, tổng hợp dữ liệu và báo cáo rủi ro cũng được Công ty đặt mục tiêu hướng tới. Hoạt động thu thập dữ liệu tổn thất tại Công ty không chỉ đơn thuần là tuân thủ mà còn được sử dụng phục vụ mục tiêu đưa ra các dự báo khả năng xảy ra tổn thất, cũng như ước tính mức độ ảnh hưởng của tổn thất, xây dựng các ngưỡng kiểm soát và hạn mức rủi ro của từng lĩnh vực hoạt động.

Trong năm 2023, hoạt động Quản trị rủi ro của Công ty tiếp tục được thực hiện theo đúng định hướng đã đề ra tại Chính sách rủi ro. Các hoạt động đã được triển khai bao gồm:

Hoạt động quản lý rủi ro hoạt động:



Hệ thống văn bản, chính sách, quy trình nhằm kiểm soát rủi ro hoạt động tiếp tục được hoàn thiện;

Triển khai định kỳ các buổi hội thảo tự rà soát rủi ro và đánh giá chốt kiểm soát đối với các nghiệp vụ tiềm ẩn nhiều rủi ro;

Tổ chức định kỳ các buổi đào tạo phổ biến các kiến thức cơ bản về Quản trị rủi ro trên toàn hệ thống nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm Quản trị rủi ro của từng cán bộ;

Xây dựng, quản lý hệ thống chỉ số rủi ro chính nhằm giám sát các dấu hiệu của các rủi ro tiềm ẩn;

Thực hiện rà soát, đánh giá rủi ro trước khi ban hành/chỉnh sửa các văn bản/quy trình/quy định Công ty và đối với các sản phẩm mới/sản phẩm sửa đổi.

Hoạt động quản lý rủi ro thị trường:



VCBS ưu tiên sử dụng các mô hình định lượng để lượng hóa rủi ro thị trường. Cụ thể: Công ty đã áp dụng phương pháp Value at Risk (VaR) để đánh giá rủi ro. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện mô hình Stress Testing để đánh giá mức độ tổn thất tối đa có thể xảy ra theo các kịch bản đã được xác định trước để từ đó có các biện pháp hạn chế tổn thất nếu cần. Việc tính toán vốn theo phương pháp VaR cũng góp phần giúp VCBS đồng hành cùng với Ngân hàng mẹ – Vietcombank trong quá trình triển khai tuân thủ hiệp ước vốn Basel II;

Các quyết định đầu tư luôn phải đảm bảo duy trì phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý;

Các hạn mức rủi ro thị trường cũng được xây dựng và đảm bảo tuân thủ tuyệt đối cho mọi hoạt động đầu tư của Công ty.

Công tác quản lý rủi ro thanh toán:



Mọi quyết định liên quan đến hoạt động cho vay ký quỹ đều được thực hiện một cách thận trọng, tuân thủ theo đúng quy định của Cơ quan quản lý và quy trình Quản trị rủi ro nội bộ của Công ty;

Danh mục cổ phiếu cho vay được xây dựng một cách thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và khẩu vị rủi ro của Công ty trong từng thời kỳ. Danh mục cổ phiếu này được xếp hạng, cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu. Công tác xếp hạng cổ phiếu đảm bảo được đánh giá lại định kỳ và đột xuất khi cần thiết để kịp thời cập nhật tình hình doanh nghiệp, biến động của cổ phiếu;

Một hệ thống hạn mức cũng được xây dựng với mục đích kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ, bao gồm các chỉ tiêu như: tổng hạn mức cho vay ký quỹ; hạn mức tối đa trên một khách hàng; hạn mức tối đa trên một mã cổ phiếu; tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn; tỷ lệ cảnh báo; tỷ lệ duy trì...;

Công tác kiểm soát tình hình dư nợ được thực hiện hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro.

Hoạt động quản lý rủi ro thanh khoản:



Cơ chế dự báo dòng tiền được báo cáo định kỳ, trạng thái thanh khoản được kiểm soát hàng ngày. Công ty cũng đã xây dựng được công cụ đo lường tình trạng thanh khoản và các phương án dự phòng về nguồn vốn. Trong suốt 22 năm hoạt động, Công ty luôn đảm bảo về nguồn vốn cho các kế hoạch đầu tư cũng như nghĩa vụ thanh toán. Đối với năm 2023, chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty đạt 514% tại thời điểm ngày 31/12/2023, vượt xa tỷ lệ quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là 180%.

Công tác quản lý rủi ro pháp lý:



Công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19 đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục:



Rủi ro pháp lý có thể xảy ra cho Công ty trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày của Công ty. Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh, các văn bản luật sửa đổi, ban hành mới luôn được cập nhật kịp thời, phổ biến rộng rãi và tích hợp vào quy trình tác nghiệp, quy định của Công ty.

Từ ngày 20/10/2023, bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của Virus Corona (COVID-19) đã được chính thức điều chỉnh từ bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A (nhóm bệnh có nguy cơ cao) sang bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B (nhóm bệnh có thể kiểm soát được) theo Quyết định 3896 của Bộ Y tế. Theo đó, VCBS cũng đã có thông báo về việc dừng triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đang được triển khai trên toàn Công ty bao gồm việc làm việc từ xa, các quy định về hạn chế tập trung đông người, xét nghiệm, báo cáo, giám sát tích cực đối với các trường hợp nhiễm bệnh và các quy định khác (nếu có) liên quan đến việc phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

Như vậy, trong suốt thời gian bệnh dịch và đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa ghi nhận bất cứ tổn thất nào về tài chính do ảnh hưởng từ dịch bệnh COVID-19.

Trong năm tiếp theo, Công ty tiếp tục duy trì khẩu vị rủi ro thận trọng, đề cao tính tuân thủ đối với các chính sách, quy định đồng thời đảm bảo an toàn tuyệt đối và hiệu quả vốn kinh doanh. Bộ phận Quản trị rủi ro sẽ tập trung đẩy mạnh công tác nhận diện và phòng tránh rủi ro, tăng cường nhân lực nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất mục tiêu Quản trị rủi ro đối với các hoạt động, sản phẩm hiện có và chuẩn bị việc triển khai sản phẩm, chính sách mới. Ngoài ra, khung Quản trị rủi ro nội bộ cũng sẽ được cập nhật và hoàn thiện nhằm đảm bảo phù hợp với quy mô phát triển của Công ty và thị trường. Công ty cũng dự kiến tiếp tục nâng cấp, cải tiến công nghệ, đầu tư vào các hệ thống phần mềm hỗ trợ đo lường rủi ro nhằm đảm bảo công tác đánh giá rủi ro được thực hiện nhanh chóng, khách quan và chính xác nhất có thể.

02

Tình hình hoạt động trong năm 2023

Tổng quan về kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023	30
Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023	33
Tổ chức và nhân sự	33
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	40
Tình hình tài chính	40
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	43
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	43

TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2023

BỐI CẢNH VĨ MÔ

Năm 2023 là một năm khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới, với sự giảm sút cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; trong khi nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các xung đột địa chính trị và phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan và dịch bệnh diện rộng.

Trong nước, tăng trưởng kinh tế gặp nhiều khó khăn đặc biệt tại khu vực động lực tăng trưởng truyền thống công nghiệp chế biến-chế tạo, sức hấp thụ vốn của nền kinh tế yếu khi mặt bằng lãi suất cho vay giảm chậm hơn đáng kể so với lãi suất huy động. Tăng trưởng tín dụng đạt 13,5% nhưng tập trung cao vào thời điểm cuối năm. Tăng trưởng GDP năm 2023 ước đạt 5,05%. Chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát chặt chẽ giúp cơ quan quản lý có dư địa điều hành chính sách tiền tệ. CPI bình quân năm 2023 tăng 3,25%. Mặt bằng lãi suất huy động giảm 270-300 điểm cơ bản về mức thấp hơn giai đoạn dịch bệnh. Lãi suất cho vay cũng đã giảm nhưng có độ trễ đáng kể so với lãi suất huy động. Thị trường ngoại hối hoạt động ổn định, liên tục không xảy ra hiện tượng thiếu hụt nguồn cung. VND giảm giá khoảng ~3% so với USD.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

VN-Index chủ yếu dao động tích lũy trong vùng 1.000 đến 1.100 trong 4 tháng đầu năm 2023 trước khi bước vào nhịp tăng điểm mạnh nhất trong năm kể từ đầu tháng năm. Theo đó, trên cơ sở xu hướng hạ nhiệt của mặt bằng lãi suất trên thị trường, đặc biệt là lãi suất tiền gửi tiết kiệm, chỉ số bật tăng khá mạnh từ vùng 1.050 điểm và đạt đỉnh ở vùng 1.250 điểm vào khoảng giữa tháng 9. Sau đó, chỉ số bước vào nhịp điều chỉnh giảm về vùng 1.030 điểm trước khi hồi phục một phần và chủ yếu dao động trong vùng 1.080 – 1.130 cho đến khi kết thúc năm. Như vậy tính đến cuối năm 2023, chỉ số VN-Index đạt 1.129.93 điểm và ghi nhận mức tăng 12.2% so với thời điểm cuối năm 2022.

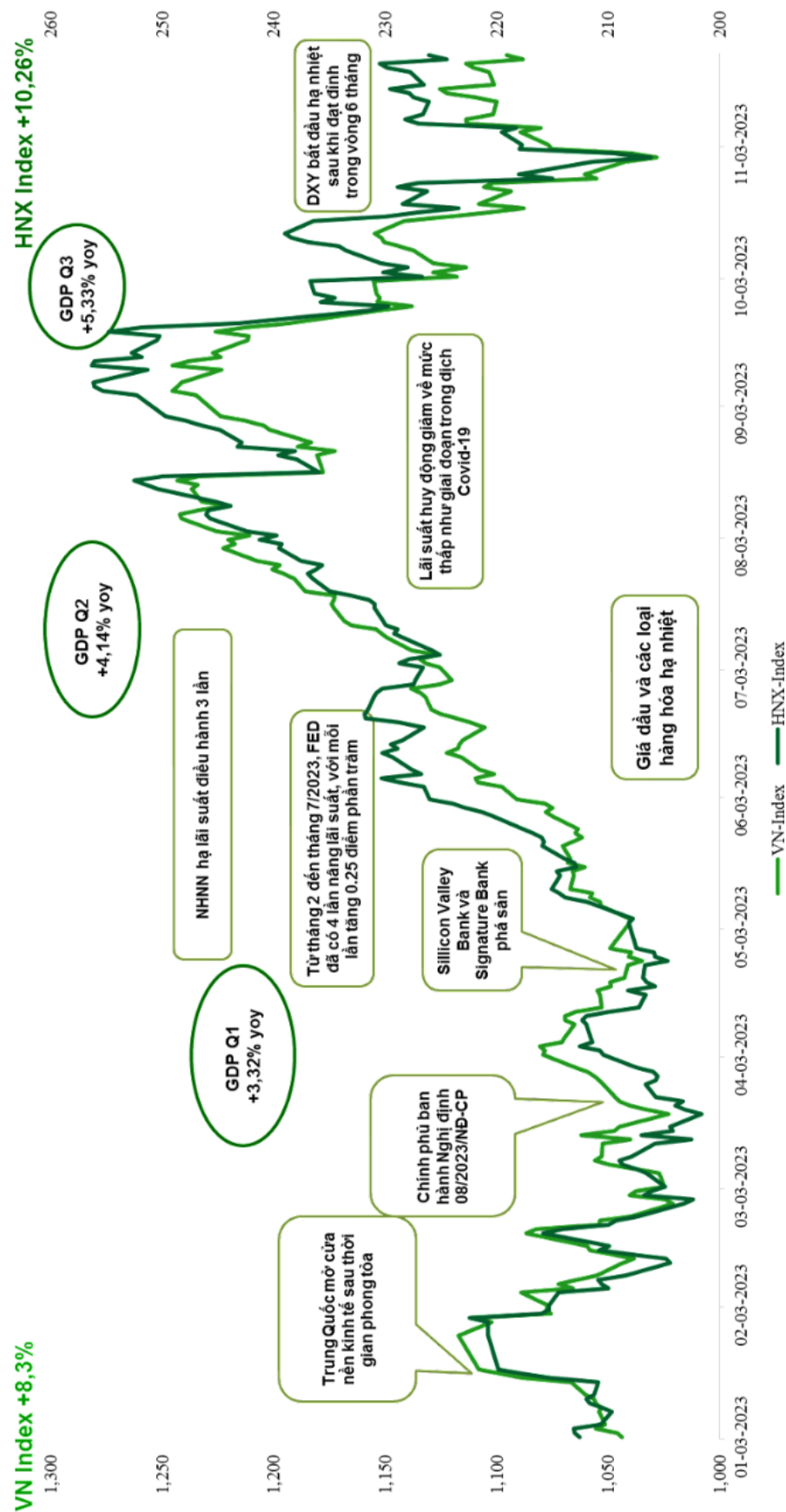
Trong năm 2023, thanh khoản trung bình mỗi phiên trên cả ba sàn có sự gia tăng đáng kể so với năm 2022. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên đạt hơn 894 triệu cổ phiếu, tăng 10.76% so với bình quân năm 2022. Tuy nhiên, giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên lại giảm -12.57% so với năm 2022 và đạt 17,630 tỷ VND.

BỐI CẢNH VÀ CÁC VẤN ĐỀ NỔI BẬT TRONG NGÀNH

Năm 2023, VN-Index ghi nhận xu hướng tăng điểm phục hồi với sự gia tăng trở lại về mặt thanh khoản đã giúp cho thị trường trở nên sôi động hơn. Số lượng nhà đầu tư tham gia vào thị trường bắt đầu tăng mạnh từ tháng 5/2023 với đà tăng điểm tích cực của chỉ số, tuy nhiên tổng số lượng tài khoản chứng khoán trên thị trường đã giảm mạnh trong 3 tháng cuối năm với việc nhiều tài khoản bị đóng do không phát sinh giao dịch sau khi mở. Cùng với nhịp điều chỉnh giảm của chỉ số VN-Index trong tháng 10, thanh khoản bình quân phiên cũng giảm. Nguyên nhân có thể đến từ việc dòng tiền đổ sang các kênh đầu tư khác khi chỉ số VN-Index chưa có xu hướng biến động rõ ràng, giá vàng liên tục lập đỉnh mới trong quý 4, cùng với đó tiền gửi dân cư tiếp tục giữ ở mức cao dù lãi suất đã ở mức rất thấp. Với nhịp điều chỉnh giảm rồi dao động trong biên độ hẹp của chỉ số VN-Index, vốn hóa thị trường cổ phiếu chỉ còn khoảng 45% GDP vào cuối năm 2023.

Với việc dòng tiền trên thị trường chủ yếu đến từ nhà đầu tư cá nhân, các công ty chứng khoán có số lượng nhân viên môi giới lớn tiếp tục chiếm lĩnh thị trường. Tuy nhiên, với đà tăng trưởng tích cực của chỉ số, một số công ty chứng khoán có lợi thế về vốn đã ghi nhận thị phần tăng mạnh mẽ với nhu cầu vay margin của nhà đầu tư tăng mạnh. Dù các công ty trong top 10 thị phần môi giới không có nhiều thay đổi, nhưng vị trí trong bảng xếp hạng đã có sự biến động liên tục.

Chỉ số VN-Index tăng trưởng với sự đóng góp tích cực của nhà đầu tư cá nhân, kéo theo đó là sự phân hóa trong kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán. Các công ty bán lẻ với thị phần cao ghi nhận doanh thu môi giới giảm nhẹ hơn nhóm các công ty bán buôn cổ phiếu. Về mảng hỗ trợ tài chính, một số công ty chứng khoán bất ngờ tăng mạnh số dư hỗ trợ tài chính trong nỗ lực duy trì thị phần, kết hợp với mặt bằng lãi suất ở mức cao thời điểm đầu năm, giúp ghi nhận doanh thu từ cho vay tăng khá ấn tượng bất chấp việc thị phần không có nhiều thay đổi. Về mảng đầu tư, những công ty chứng khoán có danh mục đầu tư chủ yếu là cổ phiếu đã ghi nhận lợi nhuận đột biến, còn những công ty có tỷ trọng trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi lớn ghi nhận doanh thu tăng trưởng nhẹ.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Kết thúc năm 2023, mặc dù thị trường chứng khoán gặp nhiều biến động tiêu cực, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Vietcombank và VCBS cùng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, Công ty đã đạt được các kết quả kinh doanh tốt so với các công ty cùng quy mô. Cụ thể, về doanh thu, VCBS đạt 1.389 tỷ đồng với tổng lợi nhuận trước thuế đạt 607,57 tỷ đồng, trong đó các hoạt động Đầu tư, Kinh doanh Vốn và Trái phiếu và hoạt động Tư vấn đầu tư (Môi giới) vượt kế hoạch doanh thu đề ra.

DOANH THU NĂM 2023 ĐẠT

1.389
TỶ ĐỒNG

TỔNG LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ ĐẠT

607,57
TỶ ĐỒNG

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG NĂM 2023

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên Hội đồng quản trị Vietcombank Chủ tịch Hội đồng thành viên
Bà Hoàng Diễm Thùy	Thành viên Hội đồng thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Giám đốc
Ông Lưu Tuấn Linh	Thành viên Hội đồng thành viên
Ông Lê Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thúy Quỳnh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



BÀ NGUYỄN THỊ KIM OANH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh hiện đang đảm nhiệm các chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị Vietcombank, Chủ tịch Hội đồng thành viên VCBS. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh là Cử nhân kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân, Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng tại Trường Đại học New South Wales, Úc.



BÀ HOÀNG DIỄM THÙY
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Bà Hoàng Diễm Thùy hiện đang đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh vốn Trụ sở chính Vietcombank, Thành viên Hội đồng thành viên VCBS. Bà Hoàng Diễm Thùy nhận bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) tổ chức.



ÔNG LÊ MẠNH HÙNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Lê Mạnh Hùng bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2007. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, ông Lê Mạnh Hùng từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu, Phó Giám đốc VCBS trước khi được bổ nhiệm vào các vị trí Giám đốc/Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng thành viên VCBS. Ông Lê Mạnh Hùng nhận bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) chuyên ngành Tài chính tại Trường Đại học bang California State – East Bay, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.



ÔNG LƯU TUẤN LINH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Lưu Tuấn Linh bắt đầu công tác tại Vietcombank từ năm 2006. Với nhiều năm kinh nghiệm trong mảng Kinh doanh vốn Trụ sở chính Vietcombank, Ông Lưu Tuấn Linh từng giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh doanh vốn, Trưởng Ban Chiến lược và Thư ký tổng hợp Vietcombank trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng thành viên VCBS. Ông Lưu Tuấn Linh nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế tại Học viện Ngân hàng.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG



ÔNG LÊ MẠNH HÙNG
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Lê Mạnh Hùng bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2007. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, ông Lê Mạnh Hùng từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu, Phó Giám đốc VCBS trước khi được bổ nhiệm vào các vị trí Giám đốc/Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng thành viên VCBS. Ông Lê Mạnh Hùng nhận bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) chuyên ngành Tài chính tại Trường Đại học bang California State – East Bay, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.



ÔNG LÊ VIỆT HÀ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Lê Việt Hà từng giữ nhiều chức vụ chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc VCBS. Ông Lê Việt Hà tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Học viện Ngân hàng và nhận bằng Cử nhân Luật tại Trường Đại học Luật Hà Nội.



ÔNG TRẦN VIỆT HƯNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Trần Việt Hưng bắt đầu công tác tại Vietcombank từ năm 2006. Ông Trần Việt Hưng từng giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Quản lý Tài sản nợ – Tài sản có Trụ sở chính Vietcombank, Trưởng phòng Kinh doanh vốn & Trái phiếu VCBS trước khi được bổ nhiệm vị trí Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc VCBS năm 2019. Ông Trần Việt Hưng nhận bằng Cử nhân ngành Kinh tế đối ngoại tại Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội.



ÔNG ĐỖ THANH PHONG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Đỗ Thanh Phong bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2012. Ông Đỗ Thanh Phong có nhiều năm giữ chức vụ Trưởng phòng Quản trị rủi ro, Trưởng phòng Đầu tư trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc VCBS. Ông Đỗ Thanh Phong nhận bằng Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh (MBA) tại Trường Đại học La Trobe, Úc.



ÔNG PHAN MINH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Phan Minh có nhiều năm công tác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) và giữ chức vụ Trưởng phòng Công nghệ thông tin Công ty BSC trước khi được tuyển dụng và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc VCBS kể từ năm 2022. Ông Phan Minh nhận bằng Thạc sỹ chuyên ngành Công nghệ thông tin tại Trường Đại học Ritsumeikan, Nhật Bản.



BÀ NGUYỄN THÚY QUỲNH
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thúy Quỳnh bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2002, từng giữ một số vị trí chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Trưởng Ban Kiểm soát VCBS. Bà Nguyễn Thúy Quỳnh tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



BÀ LÊ THỊ NGỌC TRÂM
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Lê Thị Ngọc Trâm có quá trình công tác lâu dài tại VCBS, từng giữ các vị trí chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi bổ nhiệm vào vị trí Kế toán trưởng. Bà Lê Thị Ngọc Trâm tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động của VCBS tính đến 31/12/2023 là 361 người. Với phương châm con người là tài sản quý nhất trong hoạt động kinh doanh, VCBS luôn chú trọng việc đầu tư và phát triển nguồn nhân lực, đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2023, Công ty vẫn duy trì chính sách đầu tư tài chính an toàn và hiệu quả như đầu tư vào các Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu, Chứng chỉ tiền gửi, Hợp đồng tiền gửi của các tổ chức tài chính uy tín,...

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

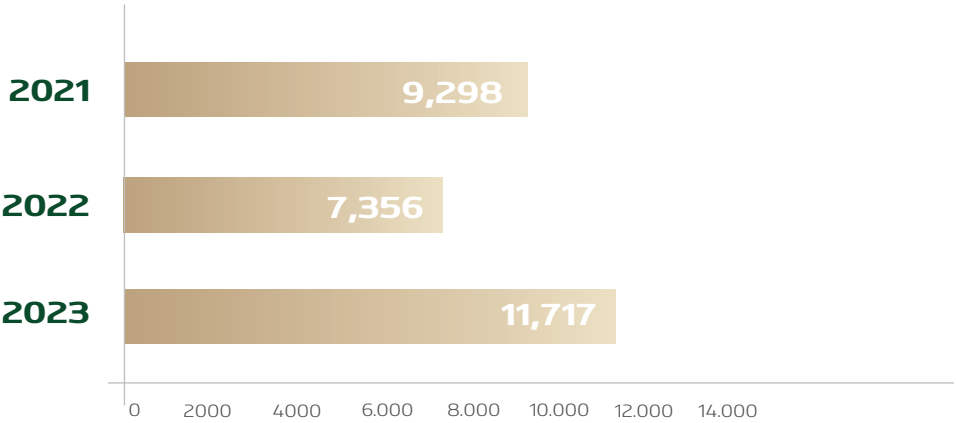
Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2022	2023	%Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	7.356.216.582.847	11.716.866.410.834	59%
Doanh thu thuần	1.008.744.683.274	1.351.414.173.935	34%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	250.138.654.453	606.791.352.520	143%
Lợi nhuận khác	53.911.264	774.462.434	1337%
Lợi nhuận trước thuế	250.192.565.717	607.565.814.954	143%
- Lợi nhuận đã thực hiện	507.360.934.250	515.212.829.085	2%
- Lợi nhuận chưa thực hiện	-257.168.368.533	92.352.985.869	
Lợi nhuận sau thuế	202.754.126.749	487.776.268.888	141%

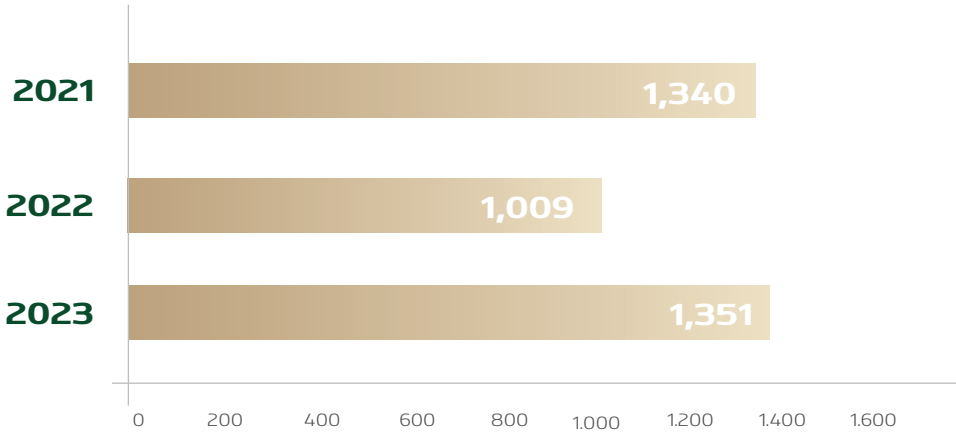
Tổng giá trị tài sản

Đơn vị tính: tỷ đồng



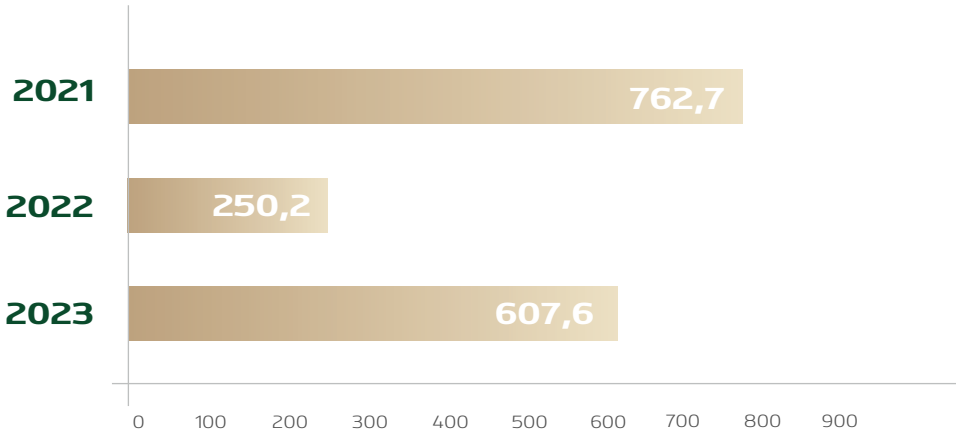
Doanh thu thuần

Đơn vị tính: tỷ đồng



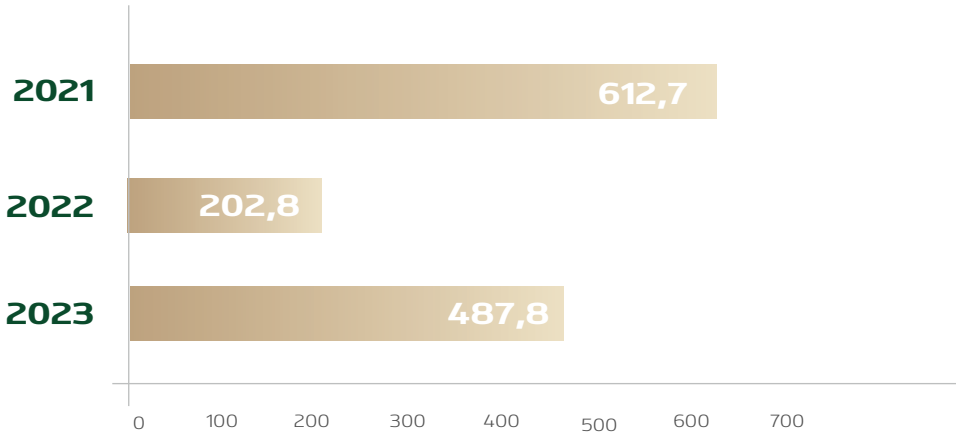
Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị tính: tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế

Đơn vị tính: tỷ đồng



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	2022	2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	192,3%	150,9%
+ Hệ số thanh toán nhanh	192,3%	150,9%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	51,2%	65,5%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	105,0%	190,0%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	13,7%	11,5%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	20,1%	36,1%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,7%	12,1%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,8%	4,2%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	24,8%	44,9%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

VCBS là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với 100% vốn đầu tư từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Đến cuối năm 2023, vốn điều lệ của VCBS là 2.500 tỷ đồng.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

VCBS luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chú trọng việc tạo dựng không gian làm việc thân thiện cho người lao động, đề cao xây dựng văn hóa doanh nghiệp xanh, chú trọng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, có ý thức giữ gìn môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN TỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm qua, VCBS duy trì chính sách lương, thưởng cạnh tranh, tạo động lực cũng như chế độ đãi ngộ hấp dẫn. Tiền lương chi trả gắn với trình độ chuyên môn, hiệu quả công việc/hiệu quả kinh doanh, được đo lường/đánh giá dựa trên bộ tiêu chí KPIs. Chế độ đãi ngộ ngoài lương có nhiều hình thức như tiền sinh nhật, hiếu, hỉ, nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe... Đặc biệt, trong năm 2023, VCBS đã triển khai mua bảo hiểm nhân thọ FWD cho toàn thể cán bộ, người lao động VCBS. VCBS cũng dành sự quan tâm đặc biệt tới lao động nữ thông qua các khoản chi hỗ trợ hàng tháng, thai sản, gửi trẻ... Bên cạnh đó, các hoạt động văn hoá, thể thao cho cán bộ, người lao động cũng luôn được chú trọng như các sự kiện được tổ chức vào các ngày lễ trong năm (08/03, 01/06, 20/10, Trung thu...), giải chạy bộ, giải bóng bàn, các lớp yoga... nhằm nâng cao sức khỏe, gắn kết tinh thần đoàn kết nội bộ và lan tỏa thông điệp văn hóa VCBS.

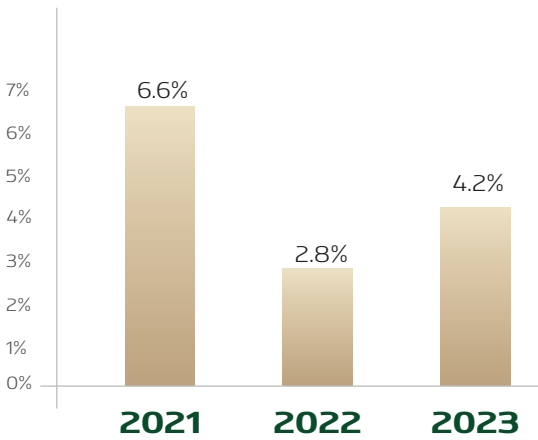
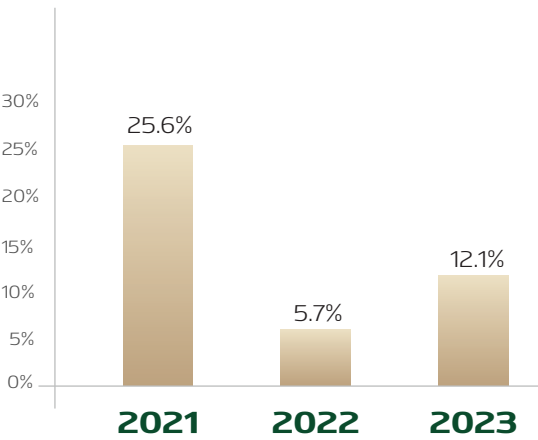
Ngoài ra, VCBS là nơi đã và đang tạo dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn được đào tạo bài bản theo đúng các chuyên ngành Kinh tế, Tài chính, Ngân hàng, Luật, cùng với đó là các chứng chỉ như CPA, ACCA, CFA, các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán/chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định... Các chuyên gia của VCBS đều có thời gian lâu dài làm việc tại các Ngân hàng đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Công ty tư vấn... hàng đầu ở trong và ngoài nước. Năm 2023, VCBS tiếp tục hoàn thiện mô hình hoạt động theo quy chuẩn mô hình Ngân hàng đầu tư quốc tế; đa dạng hóa nguồn thu cho Công ty, cung cấp cho khách hàng nhiều sản phẩm, tiện ích tạo tiền đề để Công ty phát triển bền vững.

Cùng với việc duy trì nguồn lực chất lượng cao, VCBS cũng luôn đóng góp một phần sức lực và tạo cơ hội cho các thế hệ sinh viên trẻ được tiếp cận và trải nghiệm thực tế trong môi trường tài chính chuyên nghiệp, qua đó các bạn sinh viên được trau dồi thêm kiến thức, nâng cao hơn nữa trình độ của bản thân. Trong nhiều năm qua, VCBS là đơn vị đồng tổ chức cũng như là nhà tài trợ cho cuộc thi I-INVEST! do Trường Đại học Ngoại thương tổ chức – một cuộc thi dành cho sinh viên khối kinh tế lớn nhất miền Bắc. Qua các cuộc thi, VCBS cũng đã tiếp nhận các thí sinh vào thực tập và làm việc chính thức tại Công ty. VCBS nhận thấy rằng cùng với những nền tảng kiến thức được học tập trên ghế nhà trường, sau khi có cơ hội tham gia trải nghiệm trong môi trường công việc thực tế các thí sinh sẽ trở nên tự tin và nhận thức rõ ràng về định hướng nghề nghiệp của mình. Các thế hệ sinh viên trẻ được đào tạo bài bản sẽ trở thành nguồn nhân lực tốt góp phần phát triển ngành chứng khoán trong tương lai.

ROE

ROA

Đơn vị tính: %



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Thực hiện theo mục tiêu xuyên suốt của Ngân hàng mẹ – Vietcombank là hướng tới một ngân hàng xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của VCBS không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.

Uống nước nhớ nguồn

VCBS THƯỜNG XUYỀN TỔ CHỨC CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ NGUỒN KẾT HỢP SINH HOẠT CHÍNH TRỊ THEO CHUYÊN ĐỀ.

- Năm vừa qua, Đảng bộ cơ sở VCBS đã phối hợp với Trung tâm Giáo dục Truyền thống và Lịch sử Việt Nam tổ chức chương trình về nguồn tại Buôn Mê Thuột: tổ chức thực hiện lễ dâng hương tưởng niệm 2.300 Anh hùng liệt sỹ tại Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh Đắk Lắk và tặng 20 suất quà cho nạn nhân nhiễm chất độc da cam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đây là hoạt động hàng năm của VCBS với đạo nghĩa “Uống nước – Nhớ nguồn”, khơi dậy và làm sáng lên giá trị Truyền thống, giá trị Nhân văn và Đức hy sinh của các thế hệ người đi trước và nâng cao giá trị đời sống tinh thần của cán bộ.
- Cùng với đó, VCBS tổ chức thực hiện tri ân các gia đình thương binh liệt sỹ có con em là cán bộ công tác trên toàn hệ thống nhân dịp 27-07; chương trình tặng quà cán bộ nguyên là bộ đội xuất ngũ, chuyển ngành và các cán bộ đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự tại địa phương nhân dịp 22-12.



Chung tay vì người nghèo, Cho đi là còn mãi

VCBS CŨNG THƯỜNG XUYỀN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VÌ CỘNG ĐỒNG NHƯ:

Hoạt động từ thiện, các chương trình đền ơn đáp nghĩa, hoạt động nhân đạo... đây là một trong những nhiệm vụ thường xuyên và cũng là tiêu chí đánh giá tiêu chuẩn văn hóa kinh doanh tại Công ty.



LIÊN TỤC DUY TRÌ VÀ BỒI ĐÁP CHO TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA NÀY, TẬP THỂ CÁN BỘ VCBS ĐÃ CHUNG TAY HƯỞNG ỨNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023 NHƯ:

"Vietcombank chung tay vì người nghèo – không ai bị bỏ lại phía sau"; Chương trình trao học bổng cho thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 tại Huyện Bình Chánh với tên gọi "Cùng con đi tiếp cuộc đời"; Tài trợ một phần dự án xây nhà tình nghĩa cho nạn nhân chất độc da cam tỉnh Thái Nguyên; Hỗ trợ kinh phí xây nhà cho 02 hộ nghèo tại Huyện Mường Khương, Tỉnh Lào Cai; Ủng hộ Quỹ vì người nghèo thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 để chăm lo các hộ nghèo và hỗ trợ sinh kế cho người nghèo; Tài trợ một phần dự án xây dựng Trường Tiểu học Tân Long 2, Tỉnh Hậu Giang...



Đối với lĩnh vực y tế

Năm 2023, tập thể VCBS đã thực hiện chương trình thiện nguyện tại Bệnh viện Trung ương Quân đội (TWQĐ) 108 nhân dịp Tết Thiếu nhi 01/06; Chương trình thiện nguyện "Vàng trắng yêu thương" dịp Trung thu tại Bệnh viện Phụ sản Nhi Đà Nẵng; Triển khai Dự án mô hình "Tiếp sức người bệnh" tại Bệnh viện TWQĐ 108, VCBS thực hiện tài trợ chi phí làm tủ thuốc, vật dụng, góc thư giãn cho bệnh nhân ung thư tại O3 tầng của bệnh viện; Bên cạnh đó, cán bộ nhân viên VCBS cũng tích cực tham gia các Ngày hội hiến máu do các đơn vị Vietcombank, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội HNX tổ chức.



03

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023	50
• Khách hàng Tổ chức	50
• Khách hàng doanh nghiệp	51
• Khách hàng cá nhân	53
Tình hình tài chính năm 2023	57
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	57
Kế hoạch phát triển trong tương lai	58
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	58

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Thành tựu tiêu biểu trong năm 2023



**THỊ PHẦN
ĐẤU THẦU GIAO DỊCH**
Trái phiếu Chính Phủ



**THỊ PHẦN
MÔI GIỚI GIAO DỊCH**
Trái phiếu Chính Phủ



Góp phần hỗ trợ kết nối
các thương vụ mua bán sáp
nhập với tổng giá trị giao dịch
khoảng **1800** tỷ đồng

Giới thiệu về Bộ phận Khách hàng Tổ chức

Bộ phận khách hàng Tổ chức VCBS vẫn tiếp tục cam kết cung cấp các dịch vụ tài chính chuyên nghiệp và luôn nỗ lực tối đa trong việc mở rộng mạng lưới, chăm sóc và hỗ trợ khách hàng. Với sứ mệnh đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu, đội ngũ Bộ phận Khách hàng Tổ chức VCBS luôn để lại ấn tượng tốt với phong cách làm việc nhiệt huyết, tận tâm cũng như sự tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

Năm 2023 trải qua nhiều biến động và chịu ảnh hưởng từ diễn biến phức tạp của thị trường quốc tế do xung đột địa chính trị ngày càng phức tạp và chính sách thắt chặt tiền tệ của các nền kinh tế lớn. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là nơi thu hút nhiều dòng vốn đầu tư. Bộ phận Khách hàng tổ chức VCBS vẫn duy trì và đảm bảo sự tin tưởng của khách hàng thông qua các dịch vụ và hoạt động liên quan tới:

- Kết nối đầu tư giữa doanh nghiệp tiềm năng với các định chế tài chính trong và ngoài nước định kỳ hàng quý, đồng thời linh hoạt theo theo yêu cầu đặc biệt từ khách hàng;

- Thuyết trình cơ hội đầu tư và vĩ mô đến các khách hàng định chế định kỳ 6 tháng 1 lần đến các tổ chức đầu tư hàng đầu tại thị trường Việt Nam như: Dragon Capital, VinaCapital, KIMC, VNHoldings, VFM, Bao Viet Fund, Manulife AM, Citibank, Standard Chartered Bank, HSBC, Deutsche Bank, EIB, OCB, Saigon Bank, Prudential, Manulife, AIA, Generali Life, FWD Life;
- Cung cấp các dịch vụ liên quan đến cổ phiếu khác như: Bản tin đầu ngày; Dịch vụ tư vấn giao dịch ngoài sàn, kiến tạo và trao đổi block deal theo nhu cầu của nhà đầu tư;
- Cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến trái phiếu: Bản tin thị trường, Phân phối trái phiếu doanh nghiệp, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, dịch vụ đại diện người sở hữu trái phiếu (BHA), phong tỏa tài khoản...;
- Tư vấn và hỗ trợ thực hiện các giao dịch liên quan đến mua bán, sáp nhập, huy động vốn qua thị trường vốn...

Nhằm mục đích kết nối và mở rộng thêm tệp khách hàng, đồng thời quảng bá hình ảnh của VCBS với nhiều tổ chức định chế quốc tế, trong năm 2023, đại diện của Bộ phận Khách hàng Tổ chức đã tham dự nhiều các chuyến công tác đến các thị trường tài chính lớn, tiêu biểu là Hội thảo "2023 Vietnam Investment Conference" được tổ chức tại Singapore. Bên cạnh đó, Bộ phận Khách hàng Tổ chức vẫn không ngừng cải thiện, đào tạo kỹ năng và nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, từ đó nâng cao trải nghiệm của khách hàng và phát triển thị phần giao dịch.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp năm 2023 tại VCBS

Năm 2023, thị trường tài chính Việt Nam nói chung và mảng hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp nói riêng còn bị ảnh hưởng nhiều bởi sự siết chặt các quy định, chính sách từ cơ quan quản lý, niềm tin của nhà đầu tư bị sụt giảm... Vì vậy hoạt động tài chính doanh nghiệp của VCBS năm 2023 tập trung vào các công tác chuẩn bị từ việc nâng cấp các quy trình nội bộ, chuẩn bị nền tảng khách hàng, đối tác cũng như thực hiện các công tác ban đầu cho các hợp đồng về M&A, trái phiếu xanh, bền vững... Các hoạt động này cần nhiều thời gian để chuẩn bị và thực hiện nên VCBS đã sớm bắt tay vào chuẩn bị để sẵn sàng cất cánh cho năm 2024.

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH NĂM 2023**

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Các dịch vụ tư vấn VCBS cung cấp cho doanh nghiệp

Với hơn 22 năm thành lập, đồng hành cùng thị trường chứng khoán ngay từ những ngày đầu và kế thừa nền tảng tài chính vững mạnh, mạng lưới khách hàng từ Ngân hàng mẹ – Vietcombank, VCBS đã nhận được sự tin tưởng và đánh giá cao từ các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước cũng như các Doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế. Hiện nay, VCBS cung cấp đầy đủ các dịch vụ sau:

- Tư vấn tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán: Tư vấn hồ sơ phát hành cổ phiếu, tư vấn hồ sơ phát hành trái phiếu, đại lý phát hành chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán. Trong dịch vụ này, VCBS tự hào là một trong những công ty chứng khoán đi đầu trong các sản phẩm trái phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi các tổ chức uy tín của nước ngoài như CGIF, GuarantCo... với cấu trúc phức tạp và mới tại Việt Nam;
- Dịch vụ tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp;
- Tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn khác.

Là Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, VCBS có lợi thế kế thừa các chính sách quản trị chuyên nghiệp và nhận được sự hậu thuẫn vững chắc từ Ngân hàng mẹ – Vietcombank về nguồn lực tài chính và mạng lưới khách hàng. Trong giai đoạn tới, tiếp tục tận dụng những lợi thế này, Công ty sẽ tập trung phát triển các mảng nghiệp vụ đem lại giá trị thặng dư lớn như tư vấn phát hành chứng khoán có bảo lãnh thanh toán của tổ chức nước ngoài, mua bán sáp nhập, bảo lãnh phát hành trái phiếu dành cho khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân, bảo lãnh phát hành cổ phiếu...

Tự hào là Công ty chứng khoán sở hữu nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn tốt, được đào tạo bài bản theo các chuyên ngành Kinh tế – Tài chính trong và ngoài nước, sở hữu các chứng chỉ tài chính do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cũng như các chứng chỉ quốc tế như CPA, ACCA, CFA... Bên cạnh đó, đội ngũ nhân sự tư vấn tài chính doanh nghiệp của VCBS phần lớn đều có thời gian công tác lâu năm tại các định chế tài chính uy tín hàng đầu trong và ngoài nước, được thử thách, bồi đắp qua thời gian và trên rất nhiều lĩnh vực ngành nghề của doanh nghiệp.

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH NĂM 2023**

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Thành tựu nổi bật

TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất HOSE (Quý I và Quý III/2023)

Trong năm 2023, kinh tế thế giới và trong nước cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, VCBS vẫn nỗ lực tối ưu hóa nguồn lực có sẵn và không ngừng đổi mới, phát triển để đáp ứng linh hoạt với sự biến động của thị trường. Những nỗ lực này đã mang lại thành quả tích cực khi VCBS liên tục lọt TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất HOSE (Quý I và Quý III/2023), doanh thu môi giới đạt ~ 343 tỷ đồng với ROE đạt 13% thuộc nhóm dẫn đầu thị trường.

27.446 tài khoản, tăng 83% so với năm 2022, chiếm ~7% số lượng tài khoản mở mới toàn thị trường.

Trong bối cảnh số lượng tài khoản mở mới toàn thị trường chứng khoán Việt Nam sụt giảm mạnh, VCBS vẫn duy trì được đà tăng trưởng cơ sở khách hàng nhờ trợ lực từ công tác hợp tác phát triển khách hàng với ngân hàng mẹ Vietcombank và cải tiến quy trình mở tài khoản. Tổng số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán mở mới năm 2023 đạt 27.446 tài khoản, tăng 83% so với năm 2022, chiếm ~7% số lượng tài khoản mở mới toàn thị trường.

1 trong 8 thành viên đầu tiên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL)

VCBS tự hào trở thành 1 trong 8 thành viên đầu tiên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL). Sau hơn 5 tháng triển khai, thị phần giá trị giao dịch TPDNRL của VCBS đã chiếm gần 10% giá trị giao dịch TPDNRL toàn thị trường.

**Bộ đôi
Lệnh điều kiện**

Ra mắt bộ đôi Lệnh điều kiện giao dịch chứng khoán cơ sở, hỗ trợ khách hàng nắm bắt cơ hội mua bán theo kỳ vọng, chốt lời/cắt lỗ tự động và thuận tiện.

**Triển khai
Smart OTP
giải pháp bảo mật tối ưu**

Triển khai phương thức xác thực Smart OTP – giải pháp bảo mật tối ưu, hỗ trợ khách hàng giao dịch nhanh chóng, thuận tiện và miễn phí sử dụng.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN (Tiếp theo)

Các hoạt động triển khai chính sách, sản phẩm

Chính sách dịch vụ linh hoạt dành cho từng đối tượng khách hàng

Tối ưu Linh hoạt Kịp thời

Với định hướng đặt khách hàng làm trọng tâm, VCBS tập trung nghiên cứu, thiết kế các gói dịch vụ với chính sách phí linh hoạt, phù hợp với nhu cầu và khẩu vị rủi ro của từng đối tượng khách hàng. Tiếp nối sự thành công của việc triển khai gói dịch vụ, năm 2023 VCBS tiếp tục tăng cường các sản phẩm phân tích hỗ trợ trong gói dịch vụ chủ động, đồng thời không ngừng nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn của đội ngũ môi giới phục vụ cho gói dịch vụ cố tư vấn.

Năm 2023 với sự biến động mạnh của thị trường lãi suất, VCBS là một trong những nhóm công ty tiên phong điều chỉnh lãi các sản phẩm hỗ trợ tài chính để mang lại lợi ích tối ưu cho Khách hàng khi sử dụng sản phẩm dịch vụ của VCBS. Đồng thời đẩy mạnh triển khai các chương trình ưu đãi, khuyến mại phí giao dịch nhằm thu hút khách hàng mới và giữ chân khách hàng hiện hữu.

Triển khai Hệ thống giao dịch Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

VCBS đã chiếm gần 10% giá trị giao dịch TPDNRL toàn thị trường

Kể từ ngày 19/07/2023, thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tập trung đã chính thức được đưa vào vận hành, nhằm giúp cho quá trình giao dịch trái phiếu của nhà đầu tư trở nên thuận tiện hơn. Trong bối cảnh đó, VCBS tự hào trở thành 1 trong 8 Công ty Chứng khoán đầu tiên được Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) chấp thuận là thành viên giao dịch TPDNRL. Với hệ thống giao dịch hiện đại, an toàn, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của cơ quan quản lý, VCBS luôn nỗ lực hỗ trợ các nhà đầu tư chuyên nghiệp giao dịch thuận tiện, hiệu quả trên thị trường này. Sau hơn 5 tháng triển khai, thị phần giá trị giao dịch TPDNRL của VCBS đã chiếm gần 10% giá trị giao dịch TPDNRL toàn thị trường.

Hỗ trợ tài chính

Ra mắt sản phẩm ưu việt Margin T5

miễn lãi 5 ngày dành cho các Nhà đầu tư chứng khoán

Với tiềm lực tài chính cùng sự hậu thuẫn của Ngân hàng mẹ – Vietcombank, VCBS đã và đang triển khai hiệu quả bộ sản phẩm hỗ trợ tài chính (HTTC) hỗ trợ đặc lực cho nhà đầu tư trong bối cảnh sôi động trở lại của thị trường chứng khoán. Đặc biệt trong năm 2023 VCBS cho ra mắt sản phẩm ưu việt Margin T5 miễn lãi 5 ngày dành cho các Nhà đầu tư chứng khoán lướt sóng tối ưu hóa chi phí.

Dư nợ bình quân Hỗ trợ tài chính đạt mốc

~ 4.300 tỷ đồng/ngày, tăng gần 20% so với số liệu bình quân năm 2022.

Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động khó đoán định, VCBS luôn tuân thủ chính sách quản trị rủi ro chặt chẽ nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và khách hàng. Năm 2023, VCBS tiếp tục giữ vững mục tiêu không phát sinh nợ xấu nhưng vẫn đảm bảo dịch vụ hỗ trợ tài chính có sự tăng trưởng nhất định. Dư nợ bình quân Hỗ trợ tài chính đạt mốc ~ 4.300 tỷ đồng/ngày, tăng gần 20% so với số liệu bình quân năm 2022. Đặc biệt vào Quý III/2023, cùng với nhịp tăng trưởng của thanh khoản thị trường dự nợ của VCBS đã đạt đỉnh ~ 5.900 tỷ.

Hợp tác toàn diện với Ngân hàng mẹ – Vietcombank

Với định hướng phát triển hợp tác xây dựng hệ sinh thái kinh doanh One-VCB, năm 2023 VCBS tiếp tục tập trung khai thác sức mạnh hệ thống về thương hiệu và khách hàng, mở rộng quy mô và mạng lưới bán lẻ ra tất cả các chi nhánh Vietcombank phủ khắp trên toàn quốc. Đến hết năm 2023, VCBS đã ký kết Hợp đồng hợp tác phát triển khách hàng với toàn bộ 126 Chi nhánh Vietcombank trên cả nước.

VCBS cũng tập trung phát triển các tiện ích kết nối với Vietcombank, đặc biệt đẩy mạnh hợp tác công nghệ nhằm cung ứng một hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ đa dạng, toàn diện cho từng nhóm đối tượng khách hàng, từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng khác biệt trên thị trường. Năm 2023, VCBS đã triển khai thành công tính năng liên kết tài khoản giao dịch chứng khoán (TKGDCK) với tài khoản ngân hàng tại Vietcombank, tính năng truy vấn danh mục đầu tư chứng khoán ngay trên App VCB Digibank và tính năng, mở TKGDCK cho khách hàng tổ chức trên App Digibiz.

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH NĂM 2023**

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN (Tiếp theo)

Các hoạt động triển khai chính sách, sản phẩm

Bộ lệnh điều kiện giao dịch chứng khoán cơ sở

**Ra mắt
bộ đôi lệnh điều kiện:**

Stop limit (Lệnh
Dừng giới hạn) và
**Stop loss/
Take profit**
(Lệnh Chốt lãi/Cắt lỗ)

Với mong muốn mang đến công cụ hỗ trợ đắc lực cho nhà đầu tư trên hành trình giao dịch, năm 2023 VCBS chính thức ra mắt bộ đôi lệnh điều kiện chứng khoán cơ sở trên nền tảng VCBS Mobile App, bao gồm: Lệnh Stop limit (Lệnh Dừng giới hạn) và Lệnh Stop loss/Take profit (Lệnh Chốt lãi/Cắt lỗ).

Với cách thức giao dịch linh hoạt, thao tác đặt lệnh dễ dàng và nhanh chóng, bộ Lệnh điều kiện cơ sở của VCBS sẽ hỗ trợ khách hàng nắm bắt cơ hội mua bán theo kỳ vọng, chốt lời/cắt lỗ tự động ngay cả trong điều kiện hạn chế về thời gian theo dõi thị trường. Đây cũng là công cụ hỗ trợ khách hàng giữ vững nguyên tắc giao dịch, gạt bỏ mọi trở ngại tâm lý từ các biến động thị trường.

Tính năng xác thực Smart OTP

**Xác thực
Smart OTP**

Cuối năm 2023, VCBS chính thức triển khai phương thức xác thực SmartOTP – giải pháp bảo mật tối ưu trên tất cả các kênh giao dịch trực tuyến của công ty.

SmartOTP là phương thức bảo mật tối ưu nhất hiện nay với các ưu điểm vượt trội như thao tác đơn giản, hỗ trợ giao dịch nhanh chóng, tính bảo mật cao và miễn phí sử dụng, phù hợp với mọi hình thức giao dịch trực tuyến của khách hàng.

Với SmartOTP, mã bảo mật được sinh ra tức thời ngay trên ứng dụng và mã hóa với nhiều tầng bảo mật phức tạp. Vì vậy, giải pháp này mang đến mức độ bảo mật tuyệt đối và trải nghiệm vượt trội khi thực hiện các giao dịch trực tuyến. Khách hàng có thể dễ dàng thực hiện giao dịch mọi lúc mọi nơi và xuyên biên giới.

Với việc cập nhật phương thức xác thực mới này, VCBS ngày càng khẳng định hướng đi chiến lược của mình khi đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ nhằm mang lại những tiện ích vượt trội trong hành trình trải nghiệm của khách hàng.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
NĂM 2023**

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

**Tổng tài sản của Công
ty cuối năm 2023 tăng**

59% so với đầu năm

Tổng tài sản của Công ty cuối năm 2023 tăng 59% so với đầu năm, chủ yếu do Công ty mở rộng quy mô hoạt động đầu tư và hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ trong năm 2023. Cơ cấu tài sản tập trung nhiều hơn vào hoạt động đầu tư và cho vay giao dịch ký quỹ chiếm tỷ trọng lớn trong Tổng tài sản của Công ty. Hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty tăng hơn nhiều so với năm trước khi Lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng 141%, cao hơn mức tăng 59% của Tổng tài sản do diễn biến thị trường thuận lợi, tính thanh khoản tốt trong năm. Công ty luôn đảm bảo chất lượng các tài sản, không phát sinh các khoản phải thu xấu, tài sản xấu trong kỳ.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

**Tổng Nợ phải trả của Công
ty cuối năm 2023 tăng**

104% so với đầu năm

Tổng Nợ phải trả của Công ty cuối năm 2023 tăng 104% so với đầu năm, trong đó chủ yếu tăng các khoản nợ vay ngắn hạn do nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tăng.

Trong năm 2023, Công ty luôn đảm bảo trả tất cả các khoản nợ gốc, lãi phát sinh đúng cam kết với đối tác, không phát sinh bất kỳ trường hợp nợ xấu trong kỳ. Các khoản vay ngoại tệ của Công ty đều được phòng ngừa rủi ro, do đó ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới là không đáng kể.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

VCBS vẫn hoạt động với mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với các chính sách nội bộ được cập nhật thường xuyên đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật đồng thời hỗ trợ cho Ban Tổng giám đốc điều hành một cách hiệu quả.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đến năm 2025, VCBS vẫn kiên định với mục tiêu trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu trên thị trường Chứng khoán Việt Nam với nền tảng là đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tiềm lực tài chính vững mạnh, năng lực Quản trị rủi ro tốt nhất với nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.

VCBS sẽ tiếp tục đẩy mạnh các mảng kinh doanh cốt lõi với các nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới bao gồm:

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, gia tăng tiện ích và tính năng mới trên các nền tảng giao dịch số của VCBS và Vietcombank để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, nâng cao trải nghiệm khách hàng;
- Phát huy tối đa hoạt động bán chéo giữa Vietcombank và VCBS, đẩy mạnh kết nối, đồng nhất dữ liệu trên toàn hệ thống và tích hợp các sản phẩm, tính năng trên kênh số VCB Digibank;
- Tập trung triển khai quyết liệt kế hoạch kinh doanh Khối Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp, tăng cường phối hợp với các đơn vị trong Hệ sinh thái Vietcombank để hoàn thiện mô hình bán chéo, phát triển “giải pháp toàn diện”, hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu tại Việt Nam;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các hoạt động đào tạo nội bộ, cải thiện chính sách thu hút nhân tài để phù hợp với thị trường, giữ chân nhân sự chất lượng cao;
- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro, đảm bảo phát triển hoạt động kinh doanh an toàn và bền vững trong điều kiện thị trường diễn biến phức tạp, các cơ chế quản lý có sự thay đổi liên tục.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Như đã trình bày chi tiết tại mục II.7, trong năm 2023, VCBS luôn tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến môi trường và người lao động. Ban Lãnh đạo Công ty luôn dành sự quan tâm và ủng hộ đối với các hoạt động vì cộng đồng do các tổ chức và đoàn thể tại địa phương phát động.

04

Quản trị công ty

Hội đồng thành viên	62
Ban kiểm soát	62
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	63

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Ủy viên HĐQT Vietcombank Chủ tịch HĐQTV	Được HĐQT Vietcombank cử giữ chức vụ Chủ tịch HĐQTV từ ngày 05/09/2017
2	Bà Hoàng Diễm Thùy	Thành viên HĐQTV	Được HĐQT Vietcombank cử giữ chức vụ Thành viên HĐQTV từ ngày 28/05/2009
3	Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQTV Tổng Giám đốc	Được HĐQT Vietcombank cử giữ chức vụ Thành viên HĐQTV, Tổng Giám đốc VCBS từ ngày 15/07/2017
4	Ông Lưu Tuấn Linh	Thành viên HĐQTV	Được HĐQT Vietcombank cử giữ chức vụ Thành viên HĐQTV từ ngày 21/12/2021

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên, trong đó bao gồm Trưởng Ban Kiểm soát và một (01) thành viên khác là thành viên chuyên trách, một (01) thành viên còn lại là kiêm nhiệm, thay mặt Chủ sở hữu kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác kế toán, kiểm toán, thống kê và lập báo cáo tài chính trong Công ty; trong tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu.

Qua hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã kịp thời đưa ra các cảnh báo rủi ro, phát hiện các vấn đề còn tồn tại trong hoạt động, trong quy trình quy chế để kiến nghị Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc chấn chỉnh, bổ sung, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa, hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn trong hoạt động. Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Thu nhập/(Chi phí)	
		31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Thu nhập của các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Hội đồng thành viên	18.437.807.950	16.612.192.184

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Trụ sở chính	Tầng 5-6-7-8 Tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Tel: (84-24) 3936 6990 / Fax: (84-24) 3936 0262	Phòng giao dịch Kỳ Đồng	Tầng 1, Tòa nhà Vietcombank Kỳ Đồng, số 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Tel: (84-28) 3678 7047 / Fax: (84-28) 3675 6042
Phòng giao dịch Cát Linh	Tầng 1, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tel: (84-24) 3726 5557 / Fax: (84-24) 3726 5550	Phòng giao dịch Nam Sài Gòn	Tầng 3, Tòa nhà V6, Plot V, Khu đô thị mới Him Lam, số 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3775 1409 / Fax: (84-28) 3775 1416
Phòng giao dịch Chương Dương	Tầng 1, Tòa nhà PTP Building, số 564 Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Tel: (84-24) 3678 7047 / Fax: (84-24) 3675 6042	Phòng giao dịch Phan Đình Phùng	Tầng 4, số 303-303A Phan Đình Phùng, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 7301 9268 / Fax: (84-28) 3820 8117
Phòng giao dịch Hoàng Mai	Tầng 1, Tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tel: (84-24) 3220 2345 / Fax: (84-24) 3220 2346	Chi nhánh Đà Nẵng	Tầng 12, số 251 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng. Tel: (84-236) 3888 991 / Fax: (84-236) 3888 881
Phòng giao dịch Trung Hòa Nhân Chính	Tầng 1, Lô 3 ô 4.1 chung cư đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Tel: (84-24) 3219 1050 / Fax: (84-24) 3219 1048	Văn phòng đại diện Hải Phòng	Tầng 2, tòa nhà Akashi tại thửa đất số 10, Lô 2A, Khu đô thị mới Ngã năm sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng Tel: (84-225) 382 1634 / Fax: (84-225) 382 1633
Phòng giao dịch Thụy Khuê	Tầng 1, Tòa nhà Bắc Vương, số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Tel: (84-24) 3201 3253 / Fax: (84-24) 3936 0262	Văn phòng đại diện Cần Thơ	Tầng lửng, số 3-5-7 Hòa Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Tel: (84-292) 3750 888 / Fax: (84-292) 3750 878
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 1 đến tầng 3, số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3820 8116 / Fax: (84-28) 3820 8117	Văn phòng đại diện Đồng Nai	Tầng 1 và tầng 2, số 79 Đường Hưng Đạo Vương, Khu phố 4, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Tel: (84-251) 3918 815 / Fax: (84-251) 3918 817
Phòng giao dịch Đông Sài Gòn	Số 227, Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh Tel: (84-28) 6286 1111	Văn phòng đại diện Vũng Tàu	Tầng 6, số 27 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tel: (84-254) 3513 978 / Fax: (84-254) 3513 979

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 09/GPHĐKD, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 04 năm 2002. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 03/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2024. Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán; tư vấn tài chính và dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, 6, 7, 8 Tòa nhà Thủ Đô, Số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (1) Trụ sở chính, hai (2) chi nhánh, bốn (4) văn phòng đại diện và chín (9) phòng giao dịch (31/12/2022: một (1) Trụ sở chính, hai (2) chi nhánh, bốn (4) văn phòng đại diện và sáu (6) phòng giao dịch).

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 05 tháng 09 năm 2022
Bà Hoàng Diễm Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 05 tháng 09 năm 2022
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 05 tháng 09 năm 2022
Ông Lưu Tuấn Linh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 05 tháng 09 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thúy Quỳnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 01 tháng 01 năm 2023
Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 01 tháng 01 năm 2023
Bà Trần Kim Vân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 01 tháng 12 năm 2023

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (Tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 07 năm 2021
Ông Lê Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 12 tháng 07 năm 2021
Ông Trần Việt Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 07 năm 2021
Ông Đỗ Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 29 tháng 12 năm 2023
Ông Phan Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 18 tháng 07 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Mạnh Hùng, chức danh Tổng Giám đốc.

Người ký báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là Ông Lê Việt Hà – Phó Tổng Giám đốc theo Ủy quyền số 30/2023/UQ-VCBS-KSNB ngày 28 tháng 06 năm 2023 của Ông Lê Mạnh Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Lê Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Số tham chiếu: 11659591/E-66968875

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2024 và được trình bày từ trang 73 đến trang 140, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Ý kiến của Kiểm toán viên

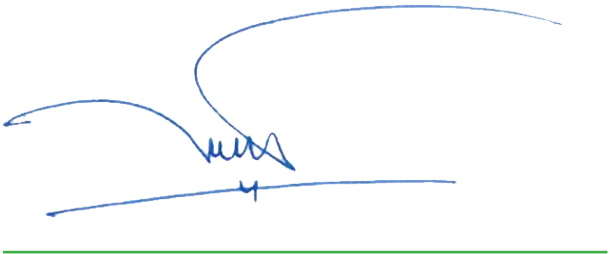
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:
2400-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 02 năm 2024



Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:
3847-2021-004-1

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.569.430.451.171	7.246.868.173.412
110	I. Tài sản tài chính		11.548.150.573.639	7.242.296.722.835
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	18.963.747.296	251.511.427.655
111.1	1.1. Tiền		18.963.747.296	41.511.427.655
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		-	210.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	6.202.583.752.519	3.345.644.089.087
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.2	-	298.363.390.095
114	4. Các khoản cho vay	7.3	5.056.906.815.536	3.152.543.740.219
115	5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.4	-	72.246.855.582
117	6. Các khoản phải thu	8	206.517.718.470	104.903.836.716
117.2	6.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		206.517.718.470	104.903.836.716
117.4	6.1.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		206.517.718.470	104.903.836.716
118	8. Trả trước cho người bán		797.239.874	3.127.586.374
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	6.096.386.423	4.916.608.265
122	10. Các khoản phải thu khác	10	59.615.964.035	12.958.420.802
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	11	(3.331.050.514)	(3.919.231.960)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		21.279.877.532	4.571.450.577
131	1. Tạm ứng		8.058.000	70.000.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		172.888.300	308.967.300
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	20.455.368.853	3.604.658.609
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		300.000	300.000
136	5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	20	643.262.379	587.524.668

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		147.435.959.663	109.348.409.435
220	I. Tài sản cố định		45.724.964.187	6.257.556.918
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	22.423.882.881	3.783.860.618
222	1.1. Nguyên giá		77.735.606.669	58.199.689.800
223a	1.2. Giá trị khấu hao lũy kế		(55.311.723.788)	(54.415.829.182)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	23.301.081.306	2.473.696.300
228	2.1. Nguyên giá		59.655.456.040	34.059.930.298
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(36.354.374.734)	(31.586.233.998)
250	II. Tài sản dài hạn khác		101.710.995.476	103.090.852.517
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		3.001.312.200	2.989.312.200
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	14	68.709.683.276	65.712.018.201
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22	-	4.389.522.116
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	20.000.000.000	20.000.000.000
255	5. Tài sản dài hạn khác	16	10.000.000.000	10.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.716.866.410.834	7.356.216.582.847

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.676.277.762.077	3.767.659.258.082
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		7.667.842.238.288	3.767.659.258.082
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	7.145.664.095.808	3.334.194.459.998
312	1.1. Vay ngắn hạn		7.145.664.095.808	3.334.194.459.998
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	9.094.412.013	8.201.920.858
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	19	43.010.686.458	4.205.664.401
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	39.768.211.544	43.404.254.867
323	5. Phải trả người lao động		50.014.685.184	52.445.382.290
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	(1.650.000)
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	16.044.553.141	22.058.660.688
327	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		17.859.002.265	2.521.826.647
328	9. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		16.000.000.000	10.000.000.000
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		4.153.797.140	2.346.192.398
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		24.736.223.306	12.893.808.399
332	12. Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ		301.496.571.429	275.388.737.536
340	II. Nợ phải trả dài hạn		8.435.523.789	-
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22	8.435.523.789	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.040.588.648.757	3.588.557.324.765
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.040.588.648.757	3.588.557.324.765
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		-	19.644.466
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		35.324.787.303	35.324.787.303
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		98.524.646.045	98.524.646.045
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		1.406.739.215.409	954.688.246.951
417.1	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		1.367.031.698.290	988.863.118.528
417.2	5.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		39.707.517.119	(34.174.871.577)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.716.866.410.834	7.356.216.582.847

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
004	Nợ khó đòi đã xử lý	23.1	470.931.553	174.689.225
005	Ngoại tệ các loại		936	936
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK (VND)	23.2	1.221.030.300.000	156.514.890.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK (VND)	23.3	3.250.760.000	60.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	23.4	7.100.000.000	1.898.000.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK (VND)	23.5	44.477.490.000	44.477.130.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư (VND)	23.6	64.452.891.190.000	43.807.553.090.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		55.775.296.400.000	34.623.702.940.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		211.277.970.000	365.866.730.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		7.983.849.540.000	8.518.533.400.000
021.4	Tài sản tài chính bị phong tỏa, giam giữ		771.950.000	650.670.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		481.695.330.000	298.799.350.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	23.7	465.479.160.000	204.283.490.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		117.266.620.000	94.791.310.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		348.212.540.000	109.492.180.000

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)				
023	TSTC chờ về của Nhà đầu tư	23.8	258.808.960.000	162.338.870.000
026	Tiền gửi của khách hàng (VND)		4.788.950.764.631	2.869.444.391.170
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	23.9	3.362.961.767.240	2.098.736.026.116
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng (VND)	23.9	1.137.331.492.966	476.274.313.202
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (VND)	23.9	3.971.715.323	3.964.701.824
	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước (VND)		2.336.410.532	2.331.557.929
	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài (VND)		1.635.304.791	1.633.143.895
030	Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	23.10	284.685.789.102	290.469.350.028
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	23.11	4.504.511.707.130	2.579.230.392.123
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.007.118.080.582	2.258.723.743.606
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		497.393.626.548	320.506.648.517
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)	23.12	284.439.057.501	290.213.999.047

Người lập biểu

Người phê duyệt

Người phê duyệt

Bà Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp

Bà Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng

Ông Lê Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
1	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		464.604.942.464	109.988.997.282
1.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	75.255.634.872	86.451.720.722
1.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	33.633.906.737	(194.514.342.457)
1.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	24.3	355.715.400.855	218.051.619.017
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	24.3	9.625.629.080	10.149.131.509
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	24.3	493.372.001.493	365.446.861.981
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.3	6.058.115.542	9.610.199.800
05	5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro		-	51.190.246.953
06	6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	25	342.697.783.281	377.716.668.465
07	7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	25	300.036.581	61.280.830.472
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	25	24.981.595.358	17.052.003.752
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	25	1.896.272.727	3.730.509.695
11	10. Thu nhập hoạt động khác	25	7.877.797.409	2.579.233.365
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.351.414.173.935	1.008.744.683.274
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		(5.242.080.566)	68.900.238.881
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	21.203.763.298	27.127.296.527
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	(27.901.678.721)	41.011.612.084
21.3	1.3. Chi phí giao dịch mua các TSTC thông qua lãi/lỗ		1.455.834.857	761.330.270
25	2. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro		2.028.453.053	16.435.082.995
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		16.722.560.566	14.150.640.806

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
27	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)			
4	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		218.164.534.917	193.289.963.321
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		11.435.058.247	12.055.409.300
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		30.884.527.277	25.128.187.758
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		9.717.341.338	6.873.433.245
32	8. Chi phí các dịch vụ khác		(156.939.118)	(18.810.504)
40	Cộng chi phí hoạt động		283.553.455.714	336.814.145.802
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	26	36.663.940.573	19.837.304.142
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	26	1.232.726.335	1.165.534.884
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	26	37.896.666.908	21.002.839.026
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	27	36.679.566.670	75.282.565.107
52	Chi phí lãi vay	27	309.152.466.840	231.412.696.751
60	Cộng chi phí tài chính	27	345.832.033.510	306.695.261.858
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	28	153.133.999.099	136.099.460.187
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		606.791.352.520	250.138.654.453

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		783.629.101	53.911.264
72	2. Chi phí khác		9.166.667	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		774.462.434	53.911.264
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		607.565.814.954	250.192.565.717
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		515.212.829.085	507.360.934.250
92	2. Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện		92.352.985.869	(257.168.368.533)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)		119.789.546.066	47.438.438.968
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	106.959.589.045	94.317.210.427
100.2	2. Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại		12.829.957.021	(46.878.771.459)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		487.776.268.888	202.754.126.749
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	Lỗ từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán		(19.644.466)	(633.607.523)
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		487.756.624.422	202.120.519.226

Người lập biểu

Người phê duyệt

Người phê duyệt



Bà Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 02 năm 2024



Bà Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng



Ông Lê Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		607.565.814.954	250.192.565.717
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(496.931.839.647)	(284.663.880.075)
03	Khấu hao TSCĐ		8.605.120.473	6.541.264.563
04	Các khoản dự phòng		(588.181.446)	(101.021.564)
05	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(30.817.400.411)	21.642.413.992
06	Chi phí lãi vay	27	309.152.466.840	231.412.696.751
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.903.188.748)	(11.314.666.393)
08	Dự thu tiền lãi		(772.398.145.201)	(532.849.256.489)
09	Các khoản điều chỉnh khác		17.488.846	4.689.065
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		(27.901.678.721)	41.011.612.084
11	(Lỗ)/lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	24.2	(27.901.678.721)	41.011.612.084
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(33.633.906.737)	194.514.342.457
19	(Lãi)/lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	24.2	(33.633.906.737)	194.514.342.457
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.113.660.367.024)	1.905.988.618.419
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(2.795.404.077.974)	822.930.558.551
32	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		298.363.390.095	(198.363.390.095)
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(1.904.363.075.317)	1.073.553.839.686
34	Giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		72.222.300.000	27.777.700.000
35	Giảm phải thu bán các TSTC		-	341.753.425
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		670.784.263.447	575.451.825.434
37	(Tăng)/giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(1.179.778.158)	14.064.920.244
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(46.657.543.233)	5.476.358.131
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		198.021.000	(94.020.000)
41	(Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(3.339.868.036)	2.985.229.716
42	Giảm chi phí trả trước		(19.848.375.319)	(57.602.353.880)
43	Thuế TNDN đã nộp	29	(107.692.196.347)	(103.054.119.702)
44	Lãi vay đã trả		(312.616.217.688)	(225.744.869.938)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		41.135.368.557	(843.762.454)
46	Tăng/(giảm) các khoản trích lập phúc lợi nhân viên		1.650.000	(2.366.719)
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(3.154.296.900)	(10.827.238.531)
48	(Giảm)/tăng phải trả người lao động		(2.430.697.106)	6.659.086.707
50	Tăng/(Giảm) phải trả, phải nộp khác		18.037.271.515	(1.178.301.721)
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.933.315.667	15.682.670.171
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(34.649.821.227)	(41.224.900.606)
60	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(4.064.561.977.175)	2.107.043.258.602

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(48.072.527.742)	(4.421.929.306)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		44.833.333	-
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		10.858.355.415	11.314.666.393
70	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(37.169.338.994)	6.892.737.087
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.034.820.440.152
73	Tiền vay gốc		334.147.904.841.051	331.585.805.951.150
73.2	Tiền vay khác		334.147.904.841.051	331.585.805.951.150
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(330.278.721.205.241)	(334.714.166.199.457)
74.3	Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(330.278.721.205.241)	(334.714.166.199.457)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		3.869.183.635.810	(2.093.539.808.155)
90	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(232.547.680.359)	20.396.187.534
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	251.511.427.655	231.115.240.121
101.1	Tiền		41.511.427.655	231.115.240.121
101.2	Các khoản tương đương tiền		210.000.000.000	-
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	18.963.747.296	251.511.427.655
103.1	Tiền		18.963.747.296	41.511.427.655
103.2	Các khoản tương đương tiền		-	210.000.000.000
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		745.641	24.475

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		142.167.905.745.241	140.482.582.720.012
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(141.646.830.276.598)	(141.376.460.410.521)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		419.569.201.416.975	447.155.410.406.324
07.1	3.1 Tiền gửi ký quỹ của NĐT tại VSDC		4.836.830.001.224	7.156.065.308.736
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(422.979.827.844.791)	(455.416.046.386.854)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(21.989.107.664)	(15.611.433.075)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		14.842.437.733.970	18.003.328.834.396
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(14.848.221.294.896)	(17.739.944.344.221)
20	Tăng/(Giảm) tiền thuần trong năm		1.919.506.373.461	(1.750.675.305.203)
30	II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG		2.869.444.391.170	4.620.119.696.373
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		2.869.444.391.170	4.620.119.696.373
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.098.736.026.116	2.812.284.490.557
33	Trong đó có kỳ hạn:			
	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		476.274.313.202	1.776.789.463.950
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.964.701.824	3.960.882.013
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		290.469.350.028	27.084.859.853

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC
CỦA KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
40	III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG		4.788.950.764.631	2.869.444.391.170
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		4.788.950.764.631	2.869.444.391.170
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		3.362.961.767.240	2.098.736.026.116
43	Trong đó có kỳ hạn			
	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.137.331.492.966	476.274.313.202
	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.971.715.323	3.964.701.824
	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		284.685.789.102	290.469.350.028

Người lập biểu

Người phê duyệt

Người phê duyệt


Bà Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 02 năm 2024


Bà Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng



Ông Lê Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B04-CTCK

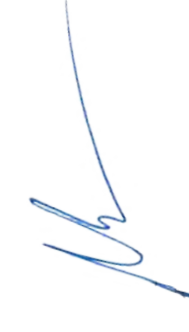
CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số dư cuối năm	
	Ngày 01 tháng 01 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
A	1	2	3	4
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	2.500.000.000.000	1.500.000.000.000	2.500.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	2.500.000.000.000	1.500.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	56.904.588.310	-	-	35.324.787.303
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	98.839.314.270	-	-	98.524.646.045
4. Chính sách đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	961.709.589	24.555.582	966.620.705	19.644.466
5. Chính sách tỷ giá hối đoái	-	75.036.419.041	75.036.419.041	-
6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	30.762.096.449	-	30.762.096.449	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	1.204.680.804.211	408.488.821.575	658.481.378.835	954.688.246.951
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	1.033.116.955.538	408.488.821.575	452.742.658.585	988.863.118.528
7.2. Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện	171.563.848.673	-	205.738.220.250	140.673.215.409
TỔNG CỘNG	2.392.148.512.829	1.983.549.796.198	787.140.984.262	3.588.557.324.765
II. THU NHẬP TOÁN DIỆN KHÁC				
1. Lỗ từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	961.709.589	24.555.582	966.620.705	19.644.466
TỔNG CỘNG	961.709.589	24.555.582	966.620.705	19.644.466

Người lập biểu

Người phê duyệt

Người phê duyệt


Bà Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp


Bà Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng



Ông Lê Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 09/GPHĐKD được cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2002 tại Việt Nam và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 03/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2024. Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 5, 6, 7, 8 Tòa nhà Thủ Đô, Số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (1) Trụ sở chính, hai (2) chi nhánh, bốn (4) văn phòng đại diện và chín (9) phòng giao dịch (31/12/2022: một (1) Trụ sở chính, hai (2) chi nhánh, bốn (4) văn phòng đại diện và sáu (6) phòng giao dịch).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán; tư vấn tài chính và dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 361 nhân viên (31/12/2022: 350 nhân viên).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 2.500.000.000.000 VND (31/12/2022: 2.500.000.000.000 VND).

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường Việt Nam với các hoạt động chính bao gồm: môi giới chứng khoán; cho vay ký quỹ; tự doanh chứng khoán; lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty hoạt động với mục tiêu đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán, đem lại những thành công, lợi ích cho khách hàng và công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (Tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm Trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu;
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND")

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL"*. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với Năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL"*.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.3 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

4.4 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau :

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán, trong trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày đánh giá thì xác định tương tự cổ phiếu hủy niêm yết;
- Đối với các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết, chứng quyền niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định theo giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm đánh giá lại. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày đánh giá thì xác định tương tự cổ phiếu hủy niêm yết;
- Đối với chứng khoán hủy niêm yết: giá trị hợp lý của chứng khoán là giá trị sổ sách căn cứ theo báo cáo tài chính gần nhất của tổ chức phát hành đã được kiểm toán hoặc soát xét;

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán mà Công ty thu thập được. Trường hợp không có đủ báo giá tối thiểu 03 công ty chứng khoán, giá được ghi nhận sẽ là giá gốc.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên quy định nội bộ của Công ty.

- Đối với Trái phiếu Chính phủ: Đánh giá lại theo Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn (02) tuần tính đến ngày đánh giá, Công ty sử dụng giá đánh giá là giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền với tỷ suất chiết khấu được sử dụng và lợi suất được xác định bằng lợi suất bình quân của mã TPCP có kỳ hạn gần nhất với mã TPCP cần xác định tại ngày có giao dịch gần nhất với ngày đánh giá và ngày giao dịch không quá 02 tuần tính đến ngày đánh giá.
- Đối với TPDN và Chứng chỉ tiền gửi: Đánh giá bằng giá mua cộng lãi coupon lũy kế đã dự thu.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48 của Bộ Tài chính.

4.5 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản,

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.6 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

4.7 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư dài hạn khác được lập cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối mỗi kỳ kế toán. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các đơn vị nhận vốn góp bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí hoạt động” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu chưa quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

4.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.10 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm

4.11 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4.13 Các hợp đồng mua bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng mua lại trái phiếu Chính phủ được theo dõi tại khoản mục "Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ" trên báo cáo tình hình tài chính.

4.14 Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

4.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.16 Lợi ích của nhân viên

4.16.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.16.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ – quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.16.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp. Theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg, từ ngày 01 tháng 10 năm 2021, Công ty được giảm mức đóng BHTN từ 1% xuống bằng 0% trong 12 tháng.

4.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty ("VND") được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Trong trường hợp Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

4.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.19 Chi phí tiền lãi

Chi phí tiền lãi bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

4.20 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.22 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Năm 2021 trở về trước, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ năm	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo quyết định của Chủ sở hữu.

Căn cứ thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, từ năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quyết định của Chủ sở hữu. Công ty sẽ xử lý số dư các quỹ theo Thông tư số 114/2021/TT-BTC.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.24 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	18.821.443.914	41.364.073.313
Tiền gửi bù trừ và thanh toán trong giao dịch chứng khoán	142.303.382	147.354.342
Tiền gửi có kỳ hạn	-	210.000.000.000
Tổng cộng	18.963.747.296	251.511.427.655

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Năm 2023		Năm 2022	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty				
Cổ phiếu	106.990.800	2.519.924.242.450	21.919.200	771.287.703.000
Trái phiếu	446.017.176	51.832.010.140.080	271.500.000	32.578.330.000.000
	553.007.976	54.351.934.382.530	293.419.200	33.349.617.703.000
Của Nhà đầu Tư				
Cổ phiếu	14.634.054.829	257.844.675.865.770	12.490.235.914	259.789.666.262.534
Trái phiếu	379.802.002	41.127.377.974.774	371.059.100	38.770.802.930.000
Chứng chỉ quỹ	28.383.692	639.915.226.850	12.860.865	265.989.132.330
	15.042.240.523	299.611.969.067.394	12.874.155.879	298.826.458.324.864
Tổng cộng	15.595.248.499	353.963.903.449.924	13.167.575.079	332.176.076.027.864

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu, CCQ niêm yết và đăng ký giao dịch trên UPCoM	221.456.558.138	251.206.099.042	105.391.987.186	112.724.742.061
Cổ phiếu chưa niêm yết	40.716.495.856	40.710.497.329	40.715.505.203	40.709.455.188
Trái phiếu niêm yết	669.306.416.095	678.286.500.000	357.773.464.040	320.492.500.000
Trái phiếu chưa niêm yết	1.761.072.436.972	1.761.072.436.972	1.095.575.091.834	1.102.717.391.838
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	3.471.308.219.176	3.471.308.219.176	1.769.000.000.000	1.769.000.000.000
Tổng cộng	6.163.860.126.237	6.202.583.752.519	3.368.456.048.263	3.345.644.089.087

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi có giá gốc là 3.104.115 triệu VND (31/12/2022: 1.401.127 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty (Thuyết minh 17).

Tại ngày 31 tháng 22 năm 2023, trái phiếu niêm yết có giá gốc là 301.403 triệu VND (31/12/2022: 302.902 triệu VND) đã được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai.

7.2 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	98.363.390.095	98.363.390.095
Tổng cộng	-	-	298.363.390.095	298.363.390.095

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

7.3 Các khoản cho vay

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ (i)	4.800.641.653.249	4.800.641.653.249	3.049.764.140.640	3.049.764.140.640
Ứng trước tiền bán chứng khoán	256.265.162.287	256.265.162.287	102.779.599.579	102.779.599.579
Tổng cộng	5.056.906.815.536	5.056.906.815.536	3.152.543.740.219	3.152.543.740.219

(i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc tối đa là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 8,9% đến 13,5% (31/12/2022 từ 10,5% đến 13,5%).

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	72.222.300.000	72.246.855.582
Tổng cộng	-	-	72.222.300.000	72.246.855.582

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7.5 Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	31/12/2023				31/12/2022			
	Giá mua/Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch đánh giá VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá mua/Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch đánh giá VND	Giá trị đánh giá lại VND
FVTPL Cổ phiếu, CCQ niêm yết và đăng ký giao dịch trên sàn	6.163.860.126.237	54.710.432.825	(15.986.806.543)	6.202.583.752.519	3.368.456.048.263	21.076.526.088	(43.888.485.264)	3.345.644.089.087
UPCoM Cổ phiếu chưa niêm yết	221.456.558.138	33.496.853.712	(3.747.312.808)	251.206.099.042	105.391.987.186	8.629.738.658	(1.296.983.783)	112.724.742.061
Trái phiếu niêm yết	40.716.495.856	2.257.195	(8.255.722)	40.710.497.329	40.715.505.203	2.257.196	(8.307.211)	40.709.455.188
Trái phiếu chưa niêm yết	669.306.416.095	21.211.321.918	(12.231.238.013)	678.286.500.000	357.773.464.040	402.321.918	(37.683.285.958)	320.492.500.000
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	1.761.072.436.972	-	-	1.761.072.436.972	1.095.575.091.834	12.042.208.316	(4.899.908.312)	1.102.717.391.838
TSTC sẵn sàng để bán	3.471.308.219.176	-	-	3.471.308.219.176	1.769.000.000.000	-	-	1.769.000.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp	-	-	-	-	72.222.300.000	24.555.582	-	72.246.855.582
Tổng cộng	6.163.860.126.237	54.710.432.825	(15.986.806.543)	6.202.583.752.519	6.202.583.752.519	21.101.081.670	(43.888.485.264)	3.417.890.944.669

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu bán các TSTC	-	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	206.517.718.470	104.903.836.716
<i>Dự thu cổ tức</i>	433.515.851	-
<i>Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi</i>	126.023.675.754	48.924.891.814
<i>Dự thu lãi trái phiếu</i>	32.682.924.174	30.406.798.982
<i>Dự thu lãi hoạt động cho vay</i>	47.377.602.691	25.572.145.920
Tổng cộng	206.517.718.470	104.903.836.716

9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.433.079.967	705.877.603
Phải thu hoạt động tư vấn	2.750.000.000	2.809.400.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	1.462.814.419	1.383.330.662
Phải thu dịch vụ khác	450.492.037	18.000.000
Tổng cộng	6.096.386.423	4.916.608.265

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu khác	59.615.964.035	12.958.420.802
<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh</i>	57.436.200.569	3.649.113.768
<i>Phải thu khác</i>	2.179.763.466	9.309.307.034
Trong đó		
<i>Phải thu khác khó đòi</i>	446.751.329	717.751.329
Tổng cộng	59.615.964.035	12.958.420.802

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Giá trị phải thu khó đòi đầu năm VND	Số dư phòng đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập/xử lý nợ trong năm VND	Số dự phòng cuối năm VND	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm VND
Phải thu từ dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp						
- Khách hàng khác	4.116.090.198	3.201.480.631	17.621.502	(334.802.948)	2.884.299.186	3.052.747.136
Các khoản phải thu khác						
- Công ty CP in Bưu điện	20.000.000	20.000.000	-	(20.000.000)	-	-
- Công ty CP Intimex Việt Nam	18.500.000	18.500.000	-	(18.500.000)	-	-
- Xí nghiệp KD TH Intimex	17.500.000	17.500.000	-	(17.500.000)	-	-
- Công ty CP Thủy điện Ry Ninh II	100.000.000	100.000.000	-	(100.000.000)	-	-
- Các khách hàng khác	561.751.329	561.751.329	-	(115.000.000)	446.751.328	446.751.329
Tổng cộng	4.833.841.527	3.919.231.960	17.621.502	(605.802.948)	3.331.050.514	3.499.498.465

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Phương tiện vận chuyển VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	7.192.046.240	51.007.643.560	58.199.689.800
Mua trong năm	-	22.477.002.000	22.477.002.000
Thanh lý trong năm	-	(2.941.085.131)	(2.941.085.131)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.192.046.240	70.543.560.429	77.735.606.669
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	6.118.829.919	48.296.999.263	54.415.829.182
Khấu hao trong năm	479.704.716	3.357.275.021	3.836.979.737
Thanh lý trong năm	-	(2.941.085.131)	(2.941.085.131)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	6.598.534.635	48.713.189.153	55.311.723.788
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.073.216.321	2.710.644.297	3.783.860.618
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	593.511.605	21.830.371.276	22.423.882.881

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	<i>31/12/2023 VND</i>	<i>31/12/2022 VND</i>
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	49.111.704.029	40.345.272.270

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính</i>
	<i>31/12/2023 VND</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	34.059.930.298
Mua trong năm	25.595.525.742
Số dư cuối năm	59.655.456.040
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	31.586.233.998
Hao mòn trong năm	4.768.140.736
Số dư cuối năm	36.354.374.734
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.473.696.300
Số dư cuối năm	23.301.081.306

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	<i>31/12/2023 VND</i>	<i>31/12/2022 VND</i>
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	16.248.408.161	15.201.108.161

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>31/12/2023</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2022</i> <i>VND</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	20.455.368.853	3.604.658.609
Tiền thuê văn phòng trả trước	128.006.799	249.698.449
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	20.327.362.054	3.354.960.160
Chi phí trả trước dài hạn	68.709.683.276	65.712.018.201
Tiền thuê văn phòng trả trước	62.870.896.742	61.802.271.198
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.838.786.534	3.909.747.003
Tổng cộng	89.165.052.129	69.316.676.810

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

Theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	<i>31/12/2023</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2022</i> <i>VND</i>
Số dư đầu năm và cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC"). Theo Quyết định số 14/QĐ-HĐTV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng Thành viên VSDC về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ cho thị trường chứng khoán phái sinh tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("Quyết định 14"), thành viên bù trừ có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền (VND) hoặc chứng khoán. Mức đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền tối thiểu ban đầu do Bộ Tài chính quy định cụ thể. Mức đóng góp bổ sung và mức đóng góp bổ sung bất thường được VSDC xác định và thông báo cho các thành viên bù trừ theo hướng dẫn tại Quyết định 14. Lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản tiền gửi Quỹ bù trừ tại ngân hàng thanh toán được xác định theo lãi suất không kỳ hạn do ngân hàng thanh toán công bố tại từng thời điểm.

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	<i>31/12/2023</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2022</i> <i>VND</i>
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ bù trừ thanh toán	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng cộng	10.000.000.000	10.000.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2022 VND	Tổng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2023 VND
Vay bổ sung vốn lưu động (i)	2.004.350.000.000	37.008.944.894.435	32.931.009.894.435	6.082.285.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	190.000.000.000	10.042.998.794.435	9.454.998.794.435	778.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	100.000.000.000	1.379.000.000.000	1.000.000.000.000	479.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đồng Nam Á	-	11.617.001.100.000	10.977.001.100.000	640.000.000.000
Ngân hàng TNHH CTBC	86.000.000.000	1.050.000.000.000	986.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng SinoPac	463.950.000.000	1.162.750.000.000	1.436.700.000.000	190.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	50.000.000.000	778.000.000.000	700.000.000.000	128.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	300.000.000.000	3.100.000.000.000	2.930.000.000.000	470.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	47.000.000.000	1.910.000.000.000	1.413.000.000.000	544.000.000.000
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	50.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng Daegu	120.000.000.000	360.000.000.000	360.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	1.428.000.000.000	1.034.000.000.000	394.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina	-	1.301.000.000.000	1.001.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	-	1.072.000.000.000	830.000.000.000	242.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000
Maybank International Labuan Branch	-	1.228.195.000.000	10.910.000.000	1.217.285.000.000
Ngân Hàng Thương Mại Trách Nhiệm Hữu Hạn E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	-	230.000.000.000	-	230.000.000.000
Vay hợp vốn (Taiwan Shin Kong, Land Bank, Sunmybank)	597.400.000.000	-	597.400.000.000	-
Vay khác (ii)	1.329.844.459.998	268.342.412.946.616	268.608.878.310.806	1.063.379.095.808
Tổng cộng	3.334.194.459.998	305.351.357.841.051	301.539.888.205.241	7.145.664.095.808

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

(Tiếp theo)

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 10 tháng và chịu lãi suất năm từ 4,0% đến 9,25% (31/12/2022: các khoản vay tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 5 tháng và chịu lãi suất năm từ 5,3% đến 11,25%). Các khoản vay này được đảm bảo bằng các chứng khoán và giấy tờ có giá có giá gốc là 3.104.115 triệu VND tại ngày 31/12/2023 (31/12/2022: 1.401.127 triệu VND) (Thuyết minh 7).

(ii) Tại ngày 31/12/2023, số dư này phản ánh các khoản vay tổ chức và cá nhân khác chịu lãi suất năm từ 4,2% đến 7,5% (31/12/2022: các khoản vay tổ chức và cá nhân khác chịu lãi suất năm 3,5% đến 7,5%).

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán (phí giao dịch chứng khoán)	6.803.952.261	6.281.677.129
Phải trả VSDC (phí lưu ký, phí chuyển khoản)	2.290.459.752	1.920.243.729
Tổng cộng	9.094.412.013	8.201.920.858

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả về mua các tài sản tài chính ngắn hạn	21.553.310.000	3.388.352.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	21.457.376.458	817.312.401
Tổng cộng	43.010.686.458	4.205.664.401

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Ứng trước	Phải trả	Tăng	Giảm	Ứng trước	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	303.642.792	523.096.940	(764.760.335)	-	61.979.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	21.708.094.689	107.154.712.213	(107.692.196.347)	-	21.170.610.555
Thuế thu nhập cá nhân	(327.993.000)	1.124.002.511	27.356.004.098	(27.822.355.052)	(429.393.036)	759.051.593
Thuế nộp hộ nhà đầu tư	-	20.268.514.875	171.717.080.327	(176.341.591.849)	-	15.644.003.353
Các loại thuế khác	(35.709.460)	-	7.974.122.241	(5.805.846.135)	-	2.132.566.646
Tiền phạt thuế	(223.822.208)	-	198.924.571	(188.971.706)	(213.869.343)	-
Tổng cộng	(587.524.668)	43.404.254.867	314.923.940.390	(318.615.721.424)	(643.262.379)	39.768.211.544

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	15.648.106.251	18.322.345.762
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	396.446.890	3.736.314.926
Tổng cộng	16.044.553.141	22.058.660.688

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.447.898.747	8.518.300.296
Dự phòng phải thu khó đòi	58.818.053	91.443.050
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	43.607
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.506.716.800	8.609.786.953
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(10.942.086.565)	(4.215.305.218)
Chênh lệch do đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	-	(4.911.116)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(154.023)	(48.502)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(10.942.240.588)	(4.220.264.836)
Tổng cộng	(8.435.523.788)	4.389.522.117

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

22. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ (Tiếp theo)

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:

	31/12/2022 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động VND	Được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác VND	31/12/2023 VND
Dự phòng phải thu khó đòi	457.215.249	(163.124.985)	-	294.090.264
Chênh lệch giảm đánh giá lại chứng khoán chưa niêm yết	42.591.501.481	(30.352.007.746)	-	12.239.493.735
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ khác	(21.076.526.088)	(33.633.906.737)	-	(54.710.432.825)
Chênh lệch do đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	(24.555.582)	-	24.555.582	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(24.475)	(745.641)	-	(770.116)
Tổng cộng	21.947.610.585	(64.149.785.109)	24.555.582	(42.177.618.942)

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

23.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
- Công ty CP Intimex Việt Nam	18.500.000	-
- Xí nghiệp KD TH Intimex	17.500.000	-
- Công ty CP Thủy điện Ry Ninh II	100.000.000	-
- Công ty CP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	160.242.328	-
- Các khách hàng khác	174.689.225	174.689.225
Tổng cộng	470.931.553	174.689.225

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

23.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	15.613.580	1.221.029.300.000	11.147.989	156.479.890.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	100	1.000.000	3.500	35.000.000
Tổng cộng	15.613.680	1.221.030.300.000	11.151.489	156.514.890.000

23.3 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	325.076	3.250.760.000	6	60.000
Tổng cộng	325.076	3.250.760.000	6	60.000

23.4 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Trái phiếu	710.000	7.100.000.000	189.800	1.898.000.000
Tổng cộng	710.000	7.100.000.000	189.800	1.898.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

23.5 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Công ty

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Cổ phiếu	4.447.749	44.477.490.000	4.447.713	44.477.130.000
Tổng cộng	4.447.749	44.477.490.000	4.447.713	44.477.130.000

23.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	3.599.991.491	55.775.296.400.000	3.100.325.782	34.623.702.940.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	21.127.797	211.277.970.000	36.586.673	365.866.730.000
TSTC giao dịch cầm cố	490.674.954	7.983.849.540.000	462.873.340	8.518.533.400.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	77.195	771.950.000	64.887	650.670.000
TSTC chờ thanh toán	48.061.533	481.695.330.000	29.879.935	298.799.350.000
Tổng cộng	4.159.932.970	64.452.891.190.000	3.629.730.617	43.807.553.090.000

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

23.7 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	11.726.662	117.266.620.000	9.479.131	94.791.310.000
TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	34.821.254	348.212.540.000	10.949.218	109.492.180.000
Tổng cộng	46.547.916	465.479.160.000	20.428.349	204.283.490.000

23.8 TSTC chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Cổ phiếu	25.880.896	258.808.960.000	16.233.887	162.338.870.000
Tổng cộng	25.880.896	258.808.960.000	16.233.887	162.338.870.000

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

23.9 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	<i>31/12/2023</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2022</i> <i>VND</i>
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.362.961.767.240	2.098.736.026.116
<i>a. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>2.556.648.591.121</i>	<i>1.521.981.072.636</i>
<i>b. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>444.682.965.857</i>	<i>318.512.881.127</i>
<i>c. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC</i>	<i>361.630.210.262</i>	<i>258.242.072.353</i>
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.137.331.492.966	476.274.313.202
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	3.971.715.323	3.964.701.824
<i>a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>2.336.410.532</i>	<i>2.331.557.929</i>
<i>b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>1.635.304.791</i>	<i>1.633.143.895</i>
Tổng cộng	<u>4.504.264.975.529</u>	<u>2.578.975.041.142</u>

23.10 Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán

	<i>31/12/2023</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2022</i> <i>VND</i>
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	10.361.704	10.368.643
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của tổ chức phát hành	284.675.427.398	290.458.981.385
Tổng cộng	<u>284.685.789.102</u>	<u>290.469.350.028</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

23.11 Phải trả Nhà đầu tư

	<i>31/12/2023</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2022</i> <i>VND</i>
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.504.511.707.130	2.579.230.392.123
<i>a. Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>3.643.509.268.107</i>	<i>1.990.607.194.462</i>
<i>b. Của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>497.392.993.204</i>	<i>320.461.235.344</i>
<i>c. Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư</i>	<i>363.609.445.819</i>	<i>268.161.962.317</i>
Tổng cộng	<u>4.504.511.707.130</u>	<u>2.579.230.392.123</u>

23.12 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	<i>31/12/2023</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2022</i> <i>VND</i>
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	284.439.057.501	290.213.999.047
Tổng cộng	<u>284.439.057.501</u>	<u>290.213.999.047</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

B09-CTCK

23.13 Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả nghiệp vụ margin	4.848.019.255.940	3.075.336.286.560
Phải trả gốc margin (Thuyết minh số 7.3)	4.800.641.653.249	3.049.764.140.640
a. Phải trả gốc margin của NĐT trong nước	4.800.641.653.249	3.049.764.140.640
b. Phải trả gốc margin của NĐT nước ngoài	-	-
Phải trả lãi margin	47.377.602.691	25.572.145.920
a. Phải trả lãi margin của NĐT trong nước	47.377.602.691	25.572.145.920
b. Phải trả lãi margin của NĐT nước ngoài	-	-
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Thuyết minh số 7.3)	256.265.162.287	102.779.599.579
a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của NĐT trong nước	256.265.162.287	102.779.599.579
b. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của NĐT nước ngoài	-	-
Tổng cộng	5.104.284.418.227	3.178.115.886.139

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

24.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán cùng kỳ năm nay VND	Lãi bán chứng khoán cùng kỳ năm trước VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ niêm yết	29.178.400	23.620	689.195.192.000	631.649.185.957	57.546.006.043	52.284.051.882
	SSI	3.482.100	28.016	97.555.155.000	92.230.280.547	5.324.874.453	97.242.044
	HPG	2.507.900	24.584	61.654.045.000	57.786.248.937	3.867.796.063	13.160.462.335
	Cổ phiếu/ CCQ khác	23.188.400	22.856	529.985.992.000	48.1632.656.473	48.353.335.527	39.026.347.503
2	Trái phiếu niêm yết	15.008.588	121.188	1.818.854.203.656	1.810.890.509.853	7.963.693.803	24.442.801.373
	TD1530289	3.208.588	122.441	392.861.903.656	392.265.349.430	596.554.226	-
	TD2333116	2.000.000	113.333	226.666.500.000	225.339.986.302	1.326.513.698	-
	Trái phiếu niêm yết còn lại	9.800.000	122.380	1.199.325.800.000	1.193.285.174.121	6.040.625.879	24.442.801.373
3	Trái phiếu chưa niêm yết	1.595.292	770.316	1.228.879.735.202	1.223.238.427.817	5.641.307.385	7.153.760.613
	VBA12102	400	992.695.112	397.078.044.600	396.805.419.899	272.624.701	-
	MBBL2128019	20.142	9.737.631	196.135.363.602	194.645.844.443	1.489.519.159	-
	Trái phiếu chưa niêm yết còn lại	1.574.750	403.662	635.666.327.000	631.787.163.475	3.879.163.525	7.153.760.613
4	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	55.275	39.228.500	2.168.355.346.231	2.164.250.718.590	4.104.627.641	2.571.106.854
	CDMB-280623.02	60	10.114.000.000	606.840.000.000	606.673.991.390	166.008.610	-
	BLA360120230331	2.750	100.056.701	275.155.927.718	274.676.324.956	479.602.762	-
	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi còn lại	52.465	24.518.430	1.286.359.418.513	1.282.900.402.244	3.459.016.269	2.571.106.854
Tổng cộng		45.837.555	40.143.624	5.905.284.477.089	5.830.028.842.217	75.255.634.872	86.451.720.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

24.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (Tiếp theo)

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán cùng kỳ năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán cùng kỳ năm trước VND
II	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ niêm yết	23.374.400	22.723	531.140.827.000	551.752.932.788	(20.612.105.788)	(18.918.434.408)
	SSI	1.830.500	26.800	49.057.400.000	49.844.285.246	(786.885.246)	(656.673.995)
	HSG	2.100.600	17.118	35.957.605.000	36.975.308.773	(1.017.703.773)	(5.203.601)
	Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ còn lại	19.443.300	22.945	446.125.822.000	464.933.338.769	(18.807.516.769)	(18.256.556.812)
2	Trái phiếu niêm yết	2.700.000	108.619	293.272.500.000	293.571.065.754	(298.565.754)	(8.208.773.971)
	CTG121030	2.200.000	107.965	237.523.000.000	237.710.387.672	(187.387.672)	-
	TD1424092	500.000	111.499	55.749.500.000	55.860.678.082	(111.178.082)	(2.461.746.573)
	Trái phiếu niêm yết còn lại						(5.747.027.398)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	2.700	174.058.600	469.958.220.000	470.174.100.900	(215.880.900)	-
	BID2_RL_20.07	200	1.000.000.000	200.000.000.000	200.127.068.400	(127.068.400)	-
	MB.BOND.2017.7Y.14	2.500	107.983.288	269.958.220.000	270.047.032.500	(88.812.500)	-
4	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	320	1.581.074.641	505.943.885.080	506.021.095.936	(77.210.856)	(8)
	CDMB-280623.02	20	10.001.808.219	200.036.164.380	200.036.164.384	(4)	-
	HCVN-CD16-2022	300	1.019.692.402	305.907.720.700	305.984.931.552	(77.210.852)	-
	Tổng cộng	26.077.420	1.755.264.583	1.800.315.432.080	1.821.519.195.378	(21.203.763.298)	(27.127.296.527)

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính năm 2023:

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kê toán trong năm VND
I	Loại FVTPL					
1	Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ niêm yết	221.456.558.138	251.206.099.041	29.749.540.903	7.332.754.875	22.416.786.028
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	40.716.495.856	40.710.497.330	(5.998.526)	(6.050.015)	51.489
3	Trái phiếu niêm yết	669.306.416.095	678.286.500.000	8.980.083.905	(37.280.964.040)	46.261.047.945
4	Trái phiếu chưa niêm yết	1.761.072.436.972	1.761.072.436.972	-	7.142.300.004	(7.142.300.004)
5	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	3.471.308.219.176	3.471.308.219.176	-	-	-
	Tổng cộng	6.163.860.126.237	6.202.583.752.519	38.723.626.282	(22.811.959.176)	61.535.585.458

Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:

- Chênh lệch tăng về đánh giá lại
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại

Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm

33.633.906.737
(27.901.678.721)
61.535.585.458

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính (Tiếp theo)

Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính năm 2022:

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm VND
I	Loại FVTPL					
1	Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ niêm yết	105.391.987.186	112.724.742.061	7.332.754.875	164.110.719.388	(156.777.964.513)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	40.715.505.203	40.709.455.188	(6.050.015)	(4.918.968)	(1.131.047)
3	Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	-	-	-	-	-
4	Trái phiếu niêm yết	357.773.464.040	320.492.500.000	(37.280.964.040)	37.666.268.808	(74.947.232.848)
5	Trái phiếu chưa niêm yết	1.095.575.091.834	1.102.717.391.838	7.142.300.004	9.401.926.137	(2.259.626.133)
6	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	1.769.000.000.000	1.769.000.000.000	-	-	-
7	Các TSTC phái sinh chưa niêm yết	-	-	-	1.540.000.000	(1.540.000.000)
Tổng cộng		3.368.456.048.263	3.345.644.089.087	(22.811.959.176)	212.713.995.365	(235.525.954.541)

Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:

(194.514.342.457)

41.011.612.084

(235.525.954.541)

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	355.715.400.855	218.051.619.017
Từ tài sản tài chính HTM	9.625.629.080	10.149.131.509
Từ các khoản cho vay	493.372.001.493	365.446.861.981
Từ tài sản tài chính AFS	6.058.115.542	9.610.199.800
Tổng cộng	864.771.146.970	603.257.812.307

25. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	342.697.783.281	377.716.668.465
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	300.036.581	61.280.830.472
Thu nhập hoạt động tư vấn tài chính	1.896.272.727	3.730.509.695
Thu nhập nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	24.981.595.358	17.052.003.752
Thu nhập hoạt động khác	7.877.797.409	2.579.233.365
Tổng cộng	377.753.485.356	462.359.245.749

26. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	36.663.940.573	19.837.304.142
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.978.425.513	91.103.138
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	32.685.515.060	19.746.201.004
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.232.726.335	1.165.534.884
Tổng cộng	37.896.666.908	21.002.839.026

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	36.679.566.670	75.282.565.107
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện	34.811.452.021	33.893.950.111
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.868.114.649	41.388.614.996
Chi phí lãi vay	309.152.466.840	231.412.696.751
Tổng cộng	345.832.033.510	306.695.261.858

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	76.391.829.195	64.804.115.192
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	6.230.430.800	5.251.186.650
Chi phí văn phòng phẩm	938.565.722	827.671.661
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.277.300.164	3.454.709.906
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.278.446.536	5.748.420.273
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.431.746.774	2.482.976.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.611.970.795	32.396.995.464
Chi tiếp khách, hội họp, đối ngoại lễ tân	11.071.292.685	10.137.203.208
Chi phí khác	12.902.416.428	10.996.181.275
Tổng cộng	153.133.999.099	136.099.460.187

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% (năm 2022: 20%) trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	607.565.814.954	250.192.565.717
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng	(30.520.503.250)	41.384.398.302
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm	49.481	280.505
- Chênh lệch giảm đánh giá tài sản tài chính FVTPL (trừ cổ phiếu niêm yết)	(30.352.007.746)	41.295.703.872
- Dự phòng phải thu khó đòi không đủ điều kiện theo thông tư 48	(163.124.985)	88.413.925
- Chi phí không được trừ	(5.420.000)	-
Các khoản điều chỉnh giảm	42.327.729.161	(178.826.100.845)
- Chênh lệch tăng đánh giá tài sản tài chính FVTPL	33.633.906.737	(192.974.342.457)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm	2.080.136	826.264
- Chi phí năm 2021 hạch toán trong 2022	-	1.252.983.357

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Thu nhập miễn thuế (Cổ tức)	8.691.742.288	12.894.431.991
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	534.717.582.543	470.403.064.864
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	106.943.516.509	94.080.612.973
Bổ sung Thuế TNDN sau quyết toán	211.195.704	236.597.453
Thuế TNDN phải nộp trong năm	107.154.712.213	94.317.210.427
Thuế TNDN phải trả đầu năm	21.708.094.689	30.445.003.964
Thuế TNDN đã trả trong năm	107.692.196.347	103.054.119.702
Thuế TNDN phải trả cuối năm	21.170.610.555	21.708.094.689

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank	Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ
Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Có ảnh hưởng đáng kể

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Tên các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Thu nhập/(Chi phí)	
		31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Thu nhập lãi tiền gửi	94.164.998	160.797.167
	Chi phí thuê văn phòng và hợp tác kinh doanh	(13.435.825.698)	(10.161.097.627)
	Doanh thu lưu ký, môi giới	109.920.000	412.051.397
	Phí ngân hàng	(147.920.466)	(216.964.854)
	Thu nhập lãi trái phiếu	6.805.019.313	2.914.075.416
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Doanh thu tư vấn, lưu ký		490.000.000
	Chi phí thuê văn phòng	-	(5.184.211.725)
	Chi phí điện, nước, trông xe, biển quảng cáo	-	(517.029.145)
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank	Doanh thu môi giới khác	680.355.731	198.089.391
	Doanh thu khác	45.293.497	62.638.321
Thu nhập của các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Hội đồng thành viên	18.437.807.950	16.612.192.184

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

Tên các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)	
		31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Tiền gửi thanh toán	17.685.669.540	40.163.769.402
	Lãi dự thu trái phiếu	1.319.316.438	533.618.359
	Phải thu khác	128.716.147	-
	Cổ phiếu và trái phiếu	181.156.788.824	55.881.061.674
	Chi phí phải trả ngắn hạn khác	840.610.747	726.105.305

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Đến 1 năm	30.113.825.624	25.643.479.592
Trên 2 – 5 năm	53.355.852.117	64.091.949.166
Trên 5 năm	-	188.669.250
TỔNG CỘNG	83.469.677.742	89.924.098.008

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Khi tính toán phân tích độ nhạy, ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.963.747.296	251.511.427.655
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	6.202.583.752.519	2.436.050.628.838
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	298.363.390.095
Các TSTC sẵn sàng để bán	-	72.246.855.582
Các khoản cho vay	5.056.906.815.536	3.152.543.740.219
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh	10.000.000.000	10.000.000.000

Nợ phải trả tài chính

Vay ngắn hạn	(5.928.379.095.808)	(2.502.844.459.998)
Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ	(301.496.571.429)	(275.388.737.536)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi

Tài sản tài chính		
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.191.072.436.972	756.159.263.000

Nợ phải trả tài chính

Vay ngắn hạn	(1.217.285.000.000)	(831.350.000.000)
--------------	---------------------	-------------------

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vì đa phần các công cụ tài chính trong năm có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá vì rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên UPCOM và chứng chỉ quỹ niêm yết của Công ty là 251.206.099.041VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu bị suy giảm giá trị như được trình bày dưới đây:

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND	Quá hạn và bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.963.747.296	-	-	18.963.747.296
Các khoản cho vay	4.956.836.556.258	100.070.259.278	-	5.056.906.815.536
Các khoản phải thu	206.517.718.470	-	-	206.517.718.470
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	1.883.572.004	1.160.067.283	3.052.747.136	6.096.386.423
Các khoản phải thu khác	59.169.212.706	-	446.751.329	59.615.964.035
Trả trước cho người bán	797.239.874	-	-	797.239.874
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000	-	-	300.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	3.001.312.200	-	-	3.001.312.200
Tổng cộng	5.247.169.658.808	101.230.326.561	3.499.498.465	5.351.899.483.834

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

TÀI SẢN TÀI CHÍNH	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 – 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	18.963.747.296	-	-	-	18.963.747.296
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	291.916.596.371	3.443.524.429.495	974.142.226.653	1.493.000.500.000	6.202.583.752.519
Các khoản cho vay (*)	100.070.259.278	-	4.956.836.556.258	-	-	5.056.906.815.536
Các khoản phải thu (*)	-	-	206.517.718.470	-	-	206.517.718.470
Trả trước cho người bán	-	-	797.239.874	-	-	797.239.874
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	4.212.814.419	-	1.883.572.004	-	-	6.096.386.423
Các khoản phải thu khác	446.751.329	-	59.169.212.706	-	-	59.615.964.035
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Quỹ bù trừ chứng khoán phải sinh	-	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng cộng	104.729.825.026	310.880.343.667	8.668.728.728.807	1.004.142.226.653	1.493.000.500.000	11.581.481.624.153

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

NỢ TÀI CHÍNH	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 – 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Vay ngắn hạn	-	-	7.145.664.095.808	-	-	7.145.664.095.808
Giao dịch mua bán lại Trái phiếu chính phủ	-	-	301.496.571.429	-	-	301.496.571.429
Phải trả cho người bán khác	-	-	43.010.686.458	-	-	43.010.686.458
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	9.094.412.013	-	-	9.094.412.013
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	16.044.553.141	-	-	16.044.553.141
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	39.768.211.544	-	-	39.768.211.544
Phải trả, phải nộp khác	-	-	4.153.797.140	-	-	4.153.797.140
Tổng cộng	-	-	7.559.232.327.533	-	-	7.559.232.327.533
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	104.729.825.026	310.880.343.667	1.109.496.401.274	1.004.142.226.653	1.493.000.500.000	4.022.249.296.620

(*) Không tính dự phòng rủi ro

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu

Người phê duyệt

Người phê duyệt



Bà Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Bà Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng

Ông Lê Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ:

Tầng 5-6-7-8 Tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo,
Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hotline: 1900 98 9999

Fax: (+84-24) 3936 0262

Website: www.vcbs.com.vn

